NĂM THỨ TƯ — Số 144 Thứ năm 1er Mai 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Cái chết của vua Quang-Trung (1788-1792) — *Hoa-Bằng*
* Dịch thơ Đường — *Trúc-Khê*
* Nam đàn bát châu thi thảo — *Tùng-Vân*
* Lê-thánh-Tôn hay Dương-Khuê — *Việt-Lan* (Batri)
* Đại-nam dật-sự (XXXII) Khang thừa-Huấn và Trương-Nhân) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tự-vị nào đủ ? (tiếp theo bài trả lời báo Thanh-niên đăng ở Tri-Tân số 143 — *Ứng-Hòe*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Văn miếu ở Nam-kỳ — *Phan-văn-Hùm*
* Ba bài thơ trong tập Quế-Đường — *Tiên-Đàm*
* Một quyển sách nói về Khổng học — *Ứng-Hòe*
* Văn học Việt-nam hiện đại (1900-1940) IV — *Lê-Thanh*
* Bản sách dẫn về Đại-nam liệt-chuyện (XVIII) — *Lê-văn-Phúc*
* Chấy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXVI) — *Chu-Thiên*

0$40

Cái chết của vua QUANG-TRUNG (1788 - 1792)

HOA-BẰNG

Trong khi viết cuốn *Quang Trung*, tôi đã cố công tra cứu nhiều sử sách để mong trả lại sự thực cho một triều-đại đã bị xóa mờ. Đến cái chết của vua Quang-Trung, tôi lại để ý càng hơn, vì Nguyễn Huệ sinh năm quí-dậu (1752), mất năm nhâm-tí (1792): Thế là mới 40 tuổi, đã ôm chí lớn mà thác!

Trời xanh vội cướp anh-hùng!
Đất đỏ vùi sâu sự-nghiệp!

Một người đang hăng khí-huyết, đang giàu bão phụ, đang toan-tính những chuyện phi-thường: quyết vật Mãn thanh để đòi lại đất hai tỉnh Quảng (Quảng-đông, Quảng-tây), vậy mà một bệnh đi đài, bỏ lại đằng sau bao cuộc lở dở, há chẳng là một mối di hận nghìn thu?

Người sau càng thán phục cái viễn chí, cái hùng tâm của trang cái thế anh hùng, lại càng ngậm ngùi sửng-sốt trước cái chết «không ngờ» của Quang Trung gây bởi bàn tay tàn ác của Tạo-hóa!

Khi người ta đang muốn biết rõ cái chết ấy ra sao, thì ông Nguyễn Bách-Khoa viết trong cuốn *Nguyễn-công Trứ*, nơi trang 128-129: «*Bọn lãnh-tụ của nông dân vô sản (Tây-sơn) đã lợi dụng trạng thái non yếu của giai cấp mình để mưu đồ tư lợi, nhảy lên địa vị quý tộc, làm tay sai cho bọn địa chủ, phú thương và sĩ phiệt. Tuy vậy bọn này cũng vẫn không tín nhiệm hạng «dân cày mới quý tộc hóa» kia. Sợ rằng Nguyễn-Huệ lại theo gót chúa Trịnh, thiết lập chế độ quân phiệt độc tài, chúng liền âm mưu đảo chính.* **Thấy vua Quang-Trung định khuếch trương uy lực quân binh bằng cách dự bị đánh Trung-hoa, chúng liền thí sát đi.** *Sử chép rằng, năm 1792 vua Quang-trung sai sứ sang Tàu xin cầu hôn và xin trả lại cho An-nam đất Lưỡng-quảng «không ngờ thốt nhiên phải bịnh mất» (1).*

«*Đấy là một nghi án trong lịch-sử Việt-nam...*»

Rồi tác-giả *Nguyễn Công Trứ* chẳng muốn khám phá cái «nghi án» ấy, bèn nêu lên giả-thuyết này: «*Theo giả thuyết của chúng tôi thì* **chính bọn sĩ phiệt quan liêu thời ấy đã mưu sát vua Quang-Trung.** *Vì ba lẽ:*

«*1) Chúng muốn cắt đứt từ gốc cuộc chiến tranh với Trung-hoa có hại cho quyền lợi của giai cấp địa chủ và phú thương mà chúng đại diện.*

«*2) Chúng muốn chiếm giữ trong tay tất cả chính quyền để thủ tiêu họa quân phiệt.*

«*3) Chúng biết nông dân và đại chúng đang bất mãn vì sự phản bội của Quang-trung, nên sự giết Quang-trung là một hành động chính trị có tính cách «phỉnh dân» rất ích lợi cho uy danh của chúng.*»

Giả thuyết ấy của ông Nguyễn Bách Khoa có lý hay không, có đứng vững hay không, tôi sẽ nói sau, bây giờ tôi bằng bàn lại với Nguyễn-quân về vấn-đề Quang-Trung phải chăng bị thí.

Trước hết tôi hãy đính chính hai tiếng «thí sát» mà Nguyễn-quân dùng không đúng đã. «Thí», theo nghĩa chữ nho, là kẻ dưới giết người trên, ví dụ: «*Tề Thôi Trữ* **thí** *kỳ quân*». (Người Thôi Trữ nước Tề **thí** vua hắn).

«Sát», nghĩa là giết chết. Giết bằng dao hay gươm, gọi là «sát».

Vậy, khi nói về một ông vua bị thí, chẳng hạn như trường-hợp vua Đinh Tiên-hoàng, thì chỉ cần nói là vua Đinh bị Đỗ Thích thí, hoặc vua Đinh bị thí bởi Đỗ Thích, chứ không cần đèo thêm chữ «sát» cho thừa và không hợp với lối đặt chữ của tiếng hán việt nữa.

Bây giờ trở lại việc vua Quang-Trung.

Tại sao ông Nguyễn Bách Khoa dám viết rằng: «... Thấy vua Quang-Trung định khuếch trương uy lực quân binh bằng cách dự bị đánh Trung-hoa, chúng (ý ông N. B. K. chỉ về bọn địa-chủ, phú-thương và sĩ phiệt) liền thí sát đi»? Đó vì tác-giả *N. C. T.* chỉ căn-cứ vào một chút **sử-liệu mong manh** trong cuốn *Việt-*

nam sử lược của Trần Trọng-Kim: « thốt nhiên phải bịnh mất. »

Sự thực có phải thế đâu! Vua Quang-Trung có phải chết một cách « thốt nhiên » đâu.

Muốn bàn luận chuyện lịch-sử, mà chỉ dựa vào một cuốn « Sử lược » bằng quốc-ngữ dùng trong các lớp sơ-đẳng thì sao đủ được!

Xin nhớ: kỳ thủy, vua Quang-Trung phát chứng « huyễn vận » 眩晕. Mà « huyễn vận » là một thứ bịnh do thiếu máu, bộ tiểu-não bị tổn-thương và thần kinh suy yếu mà sinh ra. Khi phát, thì trong một lúc, mắt hoa, tri-giác mờ-tối, không biết gì cả.

Rồi, trong khi đau yếu, vua Quang-Trung lo buồn vì việc nước, bịnh-tình ngày một nặng, không dậy được nữa. Thế rồi đến ngày 29, tháng 9, năm nhâm-tí (1792), vua Quang-Trung thăng-hà.

Để chứng thực việc vua Quang-Trung bị bịnh rồi mất như thế nào, tôi xin trích dịch đoạn sử chữ nho sau đây:

«...*Một hôm, buổi chiều, đang ngồi, (Huệ) chợt huyễn vận (nghĩa là hoa mắt và xầm tối mặt mũi).. (lược)... rồi xầm tối gục xuống, hồi lâu mới tỉnh, bèn đem chuyện đã mê ấy nói với trung thư Trần-Văn-Kỷ. Từ đó bịnh trở nặng. Bèn vời Nghệ-an trấn-thủ Nguyễn Quang-Diệu về, bàn thiên đô ra Nghệ-an. Việc thương-nghị ấy chưa ngũ-ngữ, thì bấy giờ vua Thế-tổ (chúa Nguyễn Ánh) ta đã khắc phục Gia-định, thu lại được Bình-thuận, Bình-khang và Diên-khánh: thanh thế lừng lẫy vang-động. Huệ nghe biết tin đó, dầm lo buồn, bịnh-thế ngày một nguy kịch, vời bọn Diệu mà trối-trăng rằng: « Ta mở-mang bờ cõi, khai thác đất-đai, có cả cõi Nam này. Nay đau ốm, tất không dậy được. Thôi tử (Nguyễn Quang Toản) tư thất hơi cao, nhưng tuổi còn nhỏ (bấy giờ mới 10 tuổi). Ngoài có quân Gia-định là quốc-thù; mà Thái-Đức (Nguyễn Nhạc) thì tuổi già, hám dật lạc, cầu yên tạm bợ, không toan-tính đến cái lo về sau. Khi ta chết rồi, nội trong một tháng phải chôn cất, việc tang, làm lạo-thảo thôi. Lũ ngươi nên hợp sức mà giúp Thái tử, sớm thiên về Vĩnh-đô (2), để khống-chế thiên hạ. Bằng chẳng, quân Gia-định kéo đến, thì các ngươi không có chỗ chôn đâu!*»

(Dịch theo nguyên-văn chữ hán trong *Đại-Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập, quyển 30, tờ 42).

Đó, ông Nguyễn Bách-Khoa đã thấy chưa? Vua Quang-Trung từ lúc bắt đầu nhuốm bịnh đến lúc bịnh trở nặng, sai người từ Huế ra Nghệ gọi Nguyễn Quang-Diệu, rồi Diệu lại từ Nghệ vào Huế bàn việc thiên đô, rồi vua Quang-Trung lại lo buồn vì việc trong Nam đến nỗi bịnh-tình ngày một nguy-kịch, rồi lại vời bọn Diệu đến mà dặn bảo công-việc thân-hậu và quốc-gia: như thế phỏng hết bao nhiêu ngày giờ tất cả?

Không kể mọi việc khác, tôi chỉ tính riêng việc từ Huế ra Nghệ gọi Diệu rồi Diệu lại từ Nghệ vào Huế xem hết bao nhiêu thì-giờ?

Nay xin tính theo đường xe lửa từ Vinh vào Huế.

Đường đất dằng-dặc dài ấy, cho dẫu bấy giờ có chạy ngựa trạm đi nữa thì cả đi lẫn về hai lượt ít ra cũng tất phải đi mất bốn ngày trời kiền-kiệt.

Sau, việc bàn thiên đô chưa xong thì lại mắc phải lo buồn vì việc Gia-định đến nỗi bịnh càng nặng thêm, nên sử-thần mới chép rằng: « *Bịnh thế nhật kịch.* » Ta nên chú ý vào chữ « nhật » ấy thì biết vua Quang-Trung bấy giờ đang bịnh, lại vì việc nước mà lo buồn, nên bịnh ngày càng hoặc ngày một nguy kịch.

Dẫu vậy, nhà vua còn đủ thì giờ mà chiêu-tập bọn Nguyễn Quang-Diệu đến để trối-trăng về việc nước.

Như thế, từ lúc nằm bịnh đến lúc tắt nghỉ, ít ra cũng đến bảy ngày.

Vậy xin hỏi: xưa nay có cuộc ám sát hay đầu độc nào lại kéo dài thời gian đến thế không?

Vả, bấy giờ thế-lực nhà Tây-sơn còn đang hùng-hậu cường thịnh, ngay nhà Mãn-thanh cũng phải nhìn ngó bằng cặp mắt e-dè kiêng nể kia. Chứng cớ:

Qua năm quý-sửu (1793), vua Cảnh-Thịnh sai bọn Ngô Thì Nhậm sang Thanh bảo tang và thỉnh mệnh. Bọn Nhậm chưa ra khỏi cửa ải, vua Thanh đã trước được tin ấy do viên Lưỡng Quảng tổng-đốc tâu trình, liền ban chiếu-chỉ phong vua Cảnh-Thịnh làm An-nam quốc vương, sai Quảng-tây án-sát Thạch Lâm sang Bắc-thành (Hà-nội) tuyên phong. Vua Cảnh-Thịnh cũng sai người khác giả-mạo làm

(*Xem tiếp trang 21*)

1) *Trần trọng Kim: V N S L.*
2) *Tức Vinh ngày nay.*

DỊCH THƠ ĐƯỜNG

詠懷古跡
Vịnh hoài cổ tích

群山萬壑向荆門
Quần sơn vạn hác hướng Kinh môn
生長明妃尚有村
Sinh trưởng Minh-phi thượng hữu thôn
一去紫臺連朔漠
Nhất khứ tử đài liên sóc mạc
獨留青塚向黃昏
Độc lưu thanh chủng hướng hoàng hôn
畫圖省識春風面
Hoạ đồ tỉnh thức xuân phong diện
環珮空歸夜月塊
Hoàn bội không quy dạ nguyệt hồn
千載琵琶作胡語
Thiên tải tỳ bà tác hồ ngữ
分明怨恨曲中論
Phân minh oán hận khúc trung luận.

ĐỖ PHỦ

Giải thích

Đây là tác-giả nhân đi qua cái xóm cũ của Chiêu Quân ở, tưởng nhớ người xưa mà làm ra bài này. Nội nghìn núi muôn khe như dồn đến núi Kinh-môn mà kết đọng cái linh tú lại. Ở đấy, bấy còn có cái xóm mà Minh-phi (tức Chiêu-Quân) ở ngày xưa. Nàng một khi rời bỏ cung Tử-đài mà đến ở cõi sa-mạc phương bắc, rồi chỉ để lại một nấm mồ xanh ở dưới bóng chiều vàng. Bức tranh của Mao Diên-Thọ vẽ không thực, làm cho vua Hán không biết rõ bộ mặt gió xuân, nhưng sau khi mất rồi, hồn nàng vẫn nhớ thương nước cũ, đêm gầy còn như vẳng vẳng có tiếng đeo ngọc mà về vậy. Nghìn năm sau, những khúc hát của đàn tỳ-bà, người ta thường đặt bằng tiếng nói rợ Hồ, bao nhiêu nỗi oán hận của nàng của xưa, có thể nhân những khúc đàn ai oán ấy, nay luận ra mà biết rõ được cả.

Chú dẫn

Núi Kinh-môn ở tỉnh Hồ-bắc bây giờ, ngay bên bờ nam sông Dương-tử, đối trí với núi Hồ-lao ở bờ bắc.

Nàng Chiêu-Quân họ Vương tên Tường cung phi của vua Hán Nguyên-đế, người sau vì tránh tên hùng của vua nhà Tấn (Tư-mã Chiêu) nên đổi gọi là Minh phi.

Cái xóm của Minh-phi nay ở huyện Tỷ quy tỉnh Hồ-bắc.

Tử-đài là tên cái cung của nhà Hán.

Mả Minh-phi táng ở đất Hồ, chỗ ấy cỏ đều sắc trắng, riêng cỏ trên mả này sắc xanh.

Minh-phi là người đàn bà rất đẹp, bị tuyển vào làm hậu cung của vua Hán Nguyên-đế. Nguyên-đế vì nhiều vợ, không thể biết khắp, sai họa công là bọn Mao Diên-Thọ vẽ tranh các cung-nhân rồi bằng ở các bức tranh, lựa lấy người đẹp mà vời lên hầu ngự. Các cung-nhân đều đút lót bọn họa công để họ vẽ cho mình đẹp, riêng Minh-phi cậy mình đẹp sẵn, không chịu đút lót vì thế họ vẽ nàng xấu, rồi nàng không được lên hầu ngự bao giờ. Sau có chúa Hung-nô vào chầu, vua kén một cung-nhân ban cho, xem tranh thấy nàng không đẹp gì, bèn tuyển nàng phải đi. Lúc nàng vào bệ-từ, vẻ đẹp lộng lẫy, vua hối lại thì đã không kịp, bèn giết bọn họa công Mao Diên Thọ.

Khi Minh-phi sang Hồ, dọc đường người ta gẩy đàn tỳ-bà để khuây nỗi đường xa. Từ đời Ngụy Tấn trở về sau, người ta thương nàng, thường chế ra những khúc hát theo điệu đàn tỳ bà có những khúc *Minh-phi oán*, *Minh-phi khúc* đều bằng tiếng rợ Hồ cả.

Dịch ra thơ

Núi khe dồn đến Kinh môn,
Minh-phi sinh trưởng hãy còn xóm xưa.
Một đi ải bắc xa mờ,
Mồ xanh một nấm nắm trơ hộn hoàng.
Bức tranh vùi lấp dọng quang,
Đêm trăng vẳng tiếng bội-hoàn về qua.
Nghìn năm khúc điệu tỳ bà,
Oán hờn mọi-nỗi kêu ra tiếng đàn.

TRÚC-KHÊ *dịch*

NAM DÀN BÁT CHÂU THI THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN *đạo-nhận*

LXI

« Hoạn-gia Quan-âm các », *bài thứ hai*

(Phê Kiều 26)

Hoa bốn mùa cây cao trăm thước ;
Gác nhà ai ? rằng gác Hoạn-gia.
Khen tay giàm-buộc cũng già ;
Quan-san nẻo ái, cà-sa kiếp tình.
Tài lưu lạc, thiếp Lan-đình khen phép bút ;
Lưới hư-không, duyên hoàng hạc rộng đường mây.
Cười ông mặt-sắt sau này,
Tán-hoa thiên-nữ trao tay thổ tù.

Chú-thích

Giàm-buộc = « Giàm » là phong kín ; « giàm-buộc » nghĩa là miệng chẳng nói ra mà ngầm dùng thủ-đoạn để thắt buộc người Sách *Gia ngữ* : « Kim nhân tam giàm kỳ khẩu ». Chớ đọc lầm là « giam buộc » hay là « giàng buộc ».

Hoàng-hạc = Con hạc vàng ; thường ví với người vụt đi xa mà không tung-tích gì nữa. « liều như hoàng-hạc » *Lưới hư-không* = Ý nói phóng cho Thúy Kiều ra khỏi cửa cũng như phóng cho hoàng-hạc lọt khỏi lưới.

Tán-hoa thiên-nữ = Phật-điển : « Trong hội Phật có vị Phật Tán-hoa thiên-nữ, ném thiên-hoa để thử các bồ-tát ; người nào kết-tập đã trừ hết, thì hoa không bám vào mình ; trái lại thì hoa sẽ bám vào mình ». « Kết-tập » tức là mọi thói trần-tục. Tán-hoa-thiên-nữ đây là ám chỉ nàng Kiều. Hoạn-thư xử-đãi Thúy-Kiều đã hợp phương-pháp lại có lượng từ-bi. Hồ Tôn — Hiến xử-đãi Thúy-Kiều đã chẳng hợp phương-pháp, lại không ra tay tế-độ. Hồ chẳng bằng Hoạn khá rõ.

LXII

Xem người viết kinh, thơ.

(Phê Kiều 27)

Sự tình cờ bởi tìm hoa quá bước ;
Người viết kinh trong gác, được xem qua.
Hàng bối-diệp, quản chu-hoa ;
Kia là cốt Liễu, hay là gân Nhan.
Tình hay chửa, biết cùng ai bàn thủ lự ?
Tu dễ không, toan hỏi Phật chứng tâm-hương ?
Thôi thôi thiếp lỉnh ý chàng !
Tài này dẫu đắt nghìn vàng cũng mua.

Chú-thích

Cốt-Liễu gân Nhan = Liễu-công-Quyền và Nhan-Chân-Khanh là hai nhà đại-thủ-bút về phép viết chữ ở nhà Đường ; đời gọi « Nhan cân, Liễu cốt ».

Bối diệp = « Bối » là một thứ lá để chép kinh Phật, vì ngày xưa chưa có giấy chép.

Quản chu-hoa = Nói ngọn bút. Đường văn : « Nghiệp thủy chu-hoa, quang chiếu Lâm-xuyên chi bút »

LXIII

Phú đắc **« Bóng hoa rợp đất, vẻ ngàn ngang trời »**

(Phê Kiều 28)

Ấm chiêu-ẩn, cuối xuân vừa tiết ;
Xem bóng hoa vẻ nguyệt, nhận duyên lành.
Một bầu thiên-địa coi xinh ;
Đóa trùng-trùng ảnh, gương chênh-chênh vòng
Thong-dong buổi trai phòng kinh-kệ ;
Thảnh-thơi khi mây tễ, gió quang.
Vì không khi bạc hơi vàng ;
Nợ trăng-hoa, đã dứt đường trần ai.

Chú-thích

Mây tễ, gió quang = « Tễ nguyệt, quang phong », nguyên là chữ của Tống-nho nói về ý-vị đạo đức. « Mây tễ » cũng có bản chép là « mây tỉnh » để đúng với mẫu Thiền. « Tễ » nghĩa là « tạnh sáng » ; « tỉnh » nghĩa là « trong sạch ».

TÙNG-VÂN

Lê thánh Tôn hay Dương Khuê

Một chiều rảnh-rang, tôi soạn chồng báo cũ. Nhìn số báo mà tranh bìa là một bức ảnh chụp cuộc trẩy chùa Hương, tôi bất giác nhớ tới hai câu thơ:

«Người tai mắt, kẻ nhân gian,
Ai chẳng đến Hương-sơn thì cũng tục!»

Cái đẹp thiên nhiên của « Nam sơn đệ nhất động » ta chưa kân hạnh biết, thì cũng nên giở ra xem thơ văn các cụ xưa đã ca tụng cái đẹp của động Hương-tích.

Tới bài *Hương-sơn phong cảnh* mở đầu bằng mấy câu:

«Thú thiên nhiên đâu bằng Hương-tích,
Đủ màu thanh cảnh lịch trăm chiều»...

tôi hơi ngạc nhiên về tên tác giả, vì các nhà sưu-tập đều chép khác nhau.

Trong *Văn đàn bảo giám*, quyển I, trương 126, Nam-ký xuất bản tại Hà-nội, ông Trần trung-Viên soạn, đề là của vua Lê-Thánh-Tôn.

Lại trong *Thi văn bình chú*, quyển nhất, trương 44, tủ sách Tao-đàn, nhà xuất bản Tân-dân Hà-nội, ông Ngô tất-Tố soạn, cũng đề là của Lê Thánh-Tôn.

Nhưng trong quyển *Quốc văn trích diễm*, in kỳ ba tại Kim khuê ấn quán ở Hà-nội, trang 53, do ông Dương quảng-Hàm soạn, lại đề là của Dương Khuê.

- Tôi phân-vân Lê Thánh-Tôn hay Dương Khuê?

Quả thật, « sự định tác giả của một bài văn nôm cổ của ta rất là khó. Vì các cụ ta xưa không tự xuất bản tác-phẩm của mình, vì sự tạm sao thất-bản, thành ra có nhiều bài thơ bài văn của tác giả nầy, người đời sau lại đem gán cho tác-giả khác. Đến nay ta khảo-cứu về vấn đề ấy, nhiều khi phân vân, khó mà tìm ra manh mối » (lời của giáo sư Dương quảng-Hàm trong thư đề ngày 29-10-42, chỉ giáo tôi nhiều điều về bài văn trên).

Khó mà tìm ra manh-mối », nhưng tôi vẫn cố gắng tìm kiếm suy xét. Hôm nay dường như đã được vài tia sáng, nên lật đật viết ra để chất-chính cùng các học-giả trong nước.

***

Trong bộ *Trung quốc triết học sử đại cương* do nhà xuất bản Thương vụ (?) ở Thượng-hải phát hành, ông Hồ-Thích, tác giả nó, có vạch vài phương-pháp viết sử (chính là phương pháp làm sử của hai ông Langlois và Seignobos trong quyển *Introduction aux études historiques* do Hachette xuất bản)

1) So-sánh ngày tháng và công-việc trong sử,
2) Kê-cứu tiếng nói của từng thời-đại,
3) Kê-cứu thể văn của từng thời-đại,
4) Kê-cứu tư-tưởng của từng người.
5) Tham khảo bằng-chứng ở các sách khác.

Tôi cũng dựa theo phương-pháp ấy.

a) Trước hết, giọng văn trong bài *Động Hương-tích* có vẻ lãng man, lẳng lơ, khác với giọng nghiêm trang của thơ văn vua Lê Thánh-Tôn.

b) Về triều Lê, lối hát nói không thấy ai dùng cả, không lý chỉ một mình vua Lê Thánh-Tôn dùng để viết và viết một bài thôi.

c) 1) Trong *Cảo thơm toàn tập* của ông Hải-Nam Đoàn như-Khuê trương 83, chép là của Dương Khuê.

2) Trong quyển *Chùa Hương tích*, phần thi văn (tôi quên số trang và khi viết tôi không có quyển đó nơi bàn) cũng ghi là của Dương Khuê (Dương văn Trì).

Đáng tin hơn là ông Dương tự-Giáp là người trong họ cụ Dương Khuê (lời của giáo-sư Dương quảng-Hàm). Cố nhiên ông biết rõ hơn về lai-lịch bài thơ trên.

d) Xem trong quyển *Chùa Hương tích* trang 21, tác giả nói: theo *Hương-sơn Thiên-chủ thuyền phả* thì động Hương-tích do một vị hòa-thượng đạo hiệu Huyền-Quang [(không phải là đạo-hiệu của Lý đạo Tái (...1334) tác giả tập thơ « Ngọc tiên tập ».)] tìm thấy về đời Lê Chính-hòa (1680-1705).

Còn Lê Thánh-Tôn trị vì từ năm 1460 tới năm 1497, nghĩa là ngót 200 năm trước khi tìm được động Hương-tích.

***

Vin vào những bằng-chứng trên, tôi quả-quyết bài hát nói trên không phải của Lê Thánh-Tôn và tạm nhận bài trên là của Dương Khuê (1) trong lúc chờ đợi sự khảo-cứu chắc chắn hơn của các học-giả uyên thâm trong xứ.

VIỆT-LAN (Batri)

---

1) Ông Dương Khuê sanh năm kỷ-hợi, Minh-mạng thứ 20 (1839) đỗ cử-nhân khoa giáp tí (1864) đỗ tiến-sĩ khoa mậu thìn (1868), người làng Vân đình, tổng Phương đình, phủ Ứng hòa, tỉnh Hà-đông.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 31

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXV. — Khang-thừa-Huấn và Trương-Nhân

Tháng 6 năm qui-mùi (863) nhà Đường bỏ phủ đô-hộ, đặt Hành Giao châu ở trấn Hải-môn (nay ở phía tây huyện Bác-bạch, châu Uất-lâm bên Tàu), cho Tống-Nhung làm Hành Giao-châu thứ-sử.

Trịnh-Ngu làm tiết-độ-sứ năm 862 tự dâng biểu về Tàu, nói không có tài tướng súy, xin chọn người khác sang thay. Khi vua Tàu nhận được biểu của Trịnh-Ngu, thì vừa có tiết-độ-sứ Vũ-nghĩa là Khang-thừa-Huấn về châu. Vua Đường bèn cho Khang-thừa-Huấn làm Lĩnh-Nam tây-đạo tiết-độ-sứ, cho hơn vạn quân châu Kinh, châu Tương, châu Hồng, châu Ngạc đi theo : thế là Thừa-Huấn kiêm tất cả hành-doanh các đạo quân thuộc Lĩnh nam (*Khâm-định Việt-sử*), tiền biên, q. 5, tờ 3 b ; *Đại-Việt Sử-ký*, tiền-biên, q. 6, tờ 17 a và 17 b, *Toàn-thư* q. 5, tờ 12 a).

Thừa-Huấn là người châu Lĩnh, con Khang-nhật-Tri, lấy công con nhà tướng dần dần thăng đến hữu-thần-vũ tướng-quân, rồi thăng Vũ nghĩa tiết-độ-sứ, thiên Lĩnh-nam, tây-đạo tiết-độ-sứ.

Thừa-Huấn khi ở châu Ung, không đặt canh-phòng, nên Nam-chiếu đem sáu vạn quân sắp vào cõi : Thừa-Huấn sai quân ra chống cự, có 8000 người đều mất, duy quân Thiên-bình đến sau được thoát khỏi. Thừa-Huấn không biết làm thế nào. Phó tướng là Lý-hành Tố đem quân đào hào, rào lũy, vừa xong, thì quân Man đến vây. Bốn ngày những chiến-cụ của phủ đô-hộ sắp đủ : các tướng xin nửa đêm chia đường phá đồn quân Man nhưng Thừa-Huấn không cho. Có tên tiểu hiệu quân Thiên-bình 2, 3 lần cố sức xin, mới được, đem 300 dũng-sĩ, nửa đêm trèo thành đi ra, đốt phá trại Man, chém được hơn 500 đầu. Khi quân Man đã tan, Thừa Huấn, mạo nhận là công của mình, đem tin được, tâu về Tàu : vua Đường thăng Thừa Huấn chức Kiêm-hiệu hữu-bộc-sạ Những tử-đệ và người thân-cận đều mạo nhận tâu về Tàu xin thưởng ; còn tên tiểu-hiệu đốt trại Man thì không thang một trật : từ bấy giờ trong quân ta oán (*Khâm định*, tiền biên, q. 5, tờ 4 a và 4 b).

Tháng 7 năm ấy (863) nhà Đường lại đặt phủ đô-hộ ở Hành giao-châu, cho Tống-Nhung làm Kinh lược sứ, đem một vạn quân Sơn-đông đến trấn. Lúc bấy giờ các đạo quân sang cứu phủ đô-hộ thường đóng ở Lĩnh-nam, Giang-tây và Hồ nam, vận lương khó nhọc phí-tổn, các quân thiếu ăn. Người Nhuận-châu là Trần-phồn-Thạch dâng thư nói : Xin làm cái thuyền lớn chở được nghìn hộc, từ Phúc kiến chở gạo qua bể, không đầy một tháng đến Quảng-châu. Vua Tàu y cho, lương quân được đủ dùng, nhưng các quan lấy tiếng hòa-mãi (mua hòa vốn) cướp thuyền của người đi buôn, giả tiền quăng ở trên bờ. Thuyền buôn ấy, gặp sóng gió chìm đắm, thì chủ thuyền bị trôi phải đền gạo : người ta lấy làm khổ sở. (*Khâm-định*, tiền biên, q. 5, tờ 5 b ; *Việt-kiều-thư*, q. 4, tờ 13 a) *Toàn-thư*, q. 5, tờ 12 a 12 b).

Trên kia đã chép Nam-chiếu vào cướp châu Ung, quan quân nhà Đường thua chết mất nhiều, mà Thừa Huấn lại mạo nhận công của người khác được thăng Kiêm-hiệu. Lĩnh-nam tiết-độ-sứ là Vi-trụ biết rõ công việc của Thừa-Huấn, gửi thư lên tể-tướng : Thừa-Huấn bị bãi, vua Đường cho chức tiết-độ-sứ châu Dung là Trương-Nhân sang thay, kiêm cảu-đương việc châu giao, thêm quân ở trấn Hải-môn 35.000 người, sai Trương-Nhân tiến lấy phủ-thành. Việc ấy vào năm giáp-thân (864).

Đến tháng 7 năm ấy, Trương-Nhân dùng-dằng không tiến quân ; vả lại phủ đô hộ ở chỗ nước độc, tướng sĩ bị khí lam-chướng 10 phần chết nửa 7. Hạ hầu-Tư cho Trương-Nhân là người nhút nhát không làm nổi việc, tiến chức Kiêu-vệ tướng-quân là Cao-Biền sang thay Trương-Nhân, những quân của Trương-Nhân giao lại cho Cao Biền tất cả (*Khâm-định*, q. 5, tờ 6 a-b).

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cải chính. — *Ông Việt Lão chính là tác giả bài Hai vì sao « Sâm Thương » đăng ở T. T. 114-ngày 30-9-43. Trang 13 cột 1 bài đó ba chữ hàng cuối X. B. D. chính là alpha, bêta và epsilonn) vần Hi-lạp.*

Về hai vì sao Sâm Thương, xin độc giả nhớ cho rằng :

« Ở xứ ta, sao Sâm, chỉ thấy về nửa đêm trước (18h à 24h từ khoảng 15 Décembre tới 15 Juin, về nửa đêm sau (0h à 6h) khoảng 15 Juin 15 Décembre. Trái lại Sao Thương, chỉ thấy về nửa đêm trước vào khoảng 15 Juin tới 15 Décembre và nửa đêm sau từ 15 Décembre tới 15 Juin. »

MỘT QUYỂN SÁCH NÓI VỀ Khổng học

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cách đây năm sáu tháng ông Lê văn Hòe, giám-đốc *Quốc-học thư-xã*, có cho ra một quyển *Khổng-tử học-thuyết*. Quyển ấy khảo về tài-liệu trong Kinh chuyện dày 165 trang, khổ giấy một bề 12 phân tây và một bề 18 phân tây, tức là một quyển trong *Tủ sách quốc-học*, có ông Phạm Quỳnh đề tựa.

Xét ra biên-khảo rất kỹ-lưỡng, tôi định khi nào in xong cả bộ, sẽ viết một bài bình-luận. Nhưng có một điều tưởng nên bàn ngay, là những sách chữ Pháp nói về Khổng-tử nhiều lắm; ông Lê văn Hòe có dịch một đoạn sách của ông Henri Maspero (*La Chine antique*), tôi thiết nghĩ nên đem hết những ý-kiến mới lạ ở sách chữ Pháp chép thêm vào, thì người không biết chữ Pháp và chữ nho sẽ được lợi nhiều.

Thí-dụ *Kinh thi*, xưa nay ta vẫn nói rằng: « Thơ là dư-âm, tự lòng người cảm-xúc đến sự-vật mà phát ra » (1). « Khi chưa phát ra, hãy còn chứa ở trong lòng thì gọi là chí; phát ra lời nói thì gọi là thơ; cho nên *Ngũ-thư* có câu « thi ngôn chí ». Long vui-vẻ thì câu thơ hòa-vui lòng ưu-sầu thì câu thơ buồn bã » (2).

« Đây có bậc thánh-nhân thì cảm-xúc đều chính-đáng, nên lời nói nào cũng làm khuôn-mẫu cho người ta » (3). Như *Quốc-phong* trong Kinh thi phần nhiều là những câu ca-dao ở chốn hương-đảng và nơi ngõ hẻm hang cùng, tức là những câu ca câu vè của bọn trai gái tình-tự với nhau. Nhưng thơ *Chu-nam*, *Thiệu-nam*, là những lời của người được gần đức-hóa của vua Văn-vương, ai ai cũng tính-tình chính-đáng, cho nên phát ra lời nói, vui mà không đến nỗi dâm, thương mà không đến nỗi hại » (4). Còn từ, *Bội Dung* trở xuống, thì phong tục đã biến đổi, cho nên lời thơ hoang-dâm, hoặc ưu-sầu nhưng thánh-nhân cũng chép cả để răn đời.

Bản dịch ra chữ Pháp của ông Couvreur theo nghĩa ấy tức là nghĩa của các bậc tiền-nho (5). Năm 1919 có người Pháp nữa là ông Granet, đem bản *Kinh thi* ra dịch lại, đúng nghĩa đen, rồi so-sánh với dân-tục nước Tàu, ai cũng cho ông dịch và giải-nghĩa như thế là mới lạ (6).

Nhiều bài xưa nay vẫn cho là ví đức-hóa của thánh-nhân trị nước; nếu giảng đúng nghĩa đen thì lại là bài thơ phong-tình. Tôi xem lời bàn của ông Granet cũng có lẽ, thí-dụ bài thơ *Quan-thư* ở đầu *Kinh thi*, chương thứ nhất: « *Quan quan thư-cưu, tại hà chi châu; yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu* » nghĩa đen là chim thư-cưu kia tiếng kêu quan-quan, ở bãi bên sông; người thục-nữ (con gái) kia dáng yểu-điệu, người quân-tử (con trai) muốn đi tìm (kết đôi).

Chương thứ hai: « *Xâm-xi hạnh thái, tả hữu lưu chi, yểu-điệu thục nữ, mụ-mị cầu chi. Cầu chi bất đắc, mụ-mị tư phục* (*hiệp theo vần bậc*); *du tai, du tai! triễu chuyển phản trắc* », nghĩa đen là cây rau hạnh kia, mọc so le ở trên mặt nước, không nhất định bên tả hay bên hữu; người thục-nữ dáng yểu-điệu kia, khi thức khi ngủ lúc nào cũng mong tìm. Tìm mà chưa được, thì lúc thức lúc ngủ cứ nhớ mãi; đêm dài ghê! đêm lâu ghê! đến nỗi dằn dọc không yên ».

Chương thứ ba: « *Xâm-xi hạnh thái, tả hữu thể chi; yểu-điệu thục nữ, cầm sắt hữu chi* (*hiệp theo vần vẽ*). *Xâm-xi hạnh thái, tả hữu mạo chi; yểu-điệu thục nữ, chung cổ lạc chi* (hiệp theo vần nhạo), nghĩa đen là: cây rau hạnh so le kia, bên tả bên hữu đã hái được, người thục-nữ dáng yểu-điệu kia, ta gảy đàn cầm đàn sắt để tỏ tình thân yêu. Cây rau hạnh so le kia, bên tả bên hữu đã nấu chín sắp đem cúng, người thục-nữ dáng yểu-điệu kia, khua chuông đánh trống cho vui vầy ».

Theo nghĩa đen, thì chương thứ nhất nói có người con gái đẹp, người con trai muốn kết đôi; chương thứ hai nói tìm nhau không được thì nằm không yên; chương thứ ba nói khi mới tìm được thì tỏ tình thân yêu; đã thân yêu rồi thì lấy làm vui vẻ.

Chỉ có thế thôi. Thế mà các bậc tiên-nho vì thục-nữ là bà Thái-tự, vợ vua Văn-vương, quân-tử là vua Văn-vương, rồi giảng nghĩa chương thứ nhất là vua Văn-vương thấy bà Thái-tự có thánh-đức nên muốn cầu hôn đem những chữ yêu-điệu, thục-nữ và hảo-cầu cho là đức-tính của thánh-nhân. Giảng bài thứ hai là khi vua Văn vương chưa tìm được bà Thái-tự thì trong lòng không yên, lại vì khi vua Văn-vương chưa tìm được người hiền tài để giúp mình trị nước, thì lúc nào cũng lo nghĩ. Giảng chương thứ ba là khi vua Văn-vương đã lấy được bà Thái-tự, thì như đàn cầm đàn sắt hòa vui với nhau, rồi cho đàn cầm đàn sắt là ở chốn buồng the, tiếng chuông tiếng trống là ở trong nhà, việc tề đàn cũng thế, trước ở chỗ khuê-môn rồi ra đến hương đảng, sau rả, đến bang-quốc.

Đây là bài thơ đầu *Kinh Thi*, xưa nay vẫn coi là một bài cách-ngôn của thánh-nhân đời xưa, thế mà còn thêm nghĩa như thế, huống chi thơ *Bội, Dung, Trịnh, Vệ*, là thơ phong-tình.

Năm 1932, tôi đã viết một bài nói *Kinh Thi* của Tàu cũng như phong-dao của ta (7). Nay nhân có sách của ông Lê Văn Hòe, tôi nhắc lại thuyết ông Granet để các nhà nho học xét lại.

Ứng Hòe NGUYỄN VĂN TỐ

1) Thi giả nhân tâm chi cảm vật nhi hình ư ngôn chi dư giả (câu này ở bài Thi Kinh chuyên tự của Chu Hy, tờ 1a).

2) Do vị phát khởi, nẩn tàng tại tâm vị chi vi chí; phát hiện ư ngôn, nãi danh vi thi.. Cổ Ngu hư vị chi « Thi ngôn chí » giả.. Duyệt dư chi chí, tắc hòa lạc hưng, ưu sầu chí chí, tắc ai thương khởi (Thi Kinh tương thuyết, q. 1, tờ 7a).

3) Duy Thánh-nhân tại thượng, tắc kỳ sở cảm giả vô bất chính, nhi kỳ ngôn giai tức dĩ vi giáo (Thi Kinh, tờ 1b).

4) Thi chí sở vị Phong giả, đa xuất ư lý hạng ca-dao chi tác, sở vị nam nữ tương dữ vịnh-ca, các ngôn kỳ tình giả giả. Duy Chu-nam, Triệu-nam thân bị Văn vương chi hóa dĩ thành đức nhi nhân giai hữu dĩ đắc kỳ tình tình chi chính, cố kỳ phát ư ngôn giả, lạc nhi bất quá ư dâm, ai nhi bất tập ư thương (Thi Kinh, tờ 2a và 2b).

5) Chu King, texte chinois avec traduction par F. S. Couvreur S. J.

6) M. Granet Fêtes et chansons anciennes de la Chine (Bibliothèque de l'Ecole des Hautes Etudes, Sciences religieuses XXXIV).

7) Những bài thơ đi hát trong Kinh Thi và trai gái hát đối đáp [illegible] (Đông thanh tạp chí, số 5, năm 1932, trang 266-268).

ĐẢO CÁC-BÀ

Một núi rủ theo bao núi khác,
Đỡ trời nghiêng chắn bể bao la.
Buồm căng nắng sớm ngang làng lượn,
Thuyền trở trăng chiều sóng sánh qua.
Sửa lưới ngư nhân tung bể rộng,
Chực mồi hải điểu vượt trời xa.
Trông mây lữ khách buồn mang mác,
Mây cũng bâng khuâng nỗi nhớ nhà.

***

TẨN CUNG

Lầu ngọc trăng mờ soi tử điện
Á phòng lặng lẽ oán mông lung
Ba nghìn phấn nhạt sầu Đông Á
Nửa gối xuân tàn tủi Lãnh cung
Máu chảy phiếm loan thương bóng lẻ
Lệ tràn bạch lạp khóc sầu chung
Bao lần khóa bạc giam u ẩn
Để gọi tình ai đến cửu trùng

Bà VÂN ĐÀI

CHIỀU VỀ

Làn khói trắng bốc lên sau mái lá
Dưới chân đồi lặng lẽ buổi chiều hôm
Rừng cây thưa theo gió rít từng cơn
Mây lơ đãng ngồi trên chòm núi đá
Du khách đi triền miên trong cảnh lạ;
Gió giở chiều quay lại kéo mây đi.
Sương mù lên bao phủ khắp rừng cây
Chim lác đác bay nhanh chiều đã lặn.

ĐÔNG CHI

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 83

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa nhâm-tuất (1502) ba ông đỗ đệ nhất-giáp tiến-sĩ cập-đệ, tức là trạng-nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa.

1. — **Lê-ích-Mộc**, người làng Thanh-lãng, huyện Thủy-đường nay Thủy-nguyên, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 44 tuổi, đỗ nhất-giáp tiến-sĩ đệ nhất-danh, khoa nhâm-tuất, hiệu Cảnh-thống thứ năm, đời Lê Hiến-tông (1497-1504). Thường ở nhờ chùa Diên-phúc làng Thanh-lãng: học song hay xem sách Phật. Năm nhâm-tuất 1502, đầu bài thi đình toản hỏi về kinh Phật (đầu bài năm tờ giấy viết chín dòng), văn ông đối-đáo (bài ông làm đến 25 tờ giấy hàng 9), được đỗ đầu. Làm quan đến tả-thị-lang, trí-sĩ.. Sau khi mất, người làng làm miếu ở cạnh chùa để thờ, di tượng trông nghiêm-nhã, ai ai cũng kính-mộ (dịch ở *Đại-Việt đình-nguyên phật-lục*, sách viết của Trường Bác-cổ, số A 1205, tờ 19 a; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 94 a).

2. — **Lê-Sạn**, người làng Vạn-phúc, huyện Thanh-trì, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam (nay Hà-đông) Năm 27 tuổi đỗ nhất-giáp tiến-sĩ đệ-nhị-danh khoa nhâm-tuất 1502. Mùa đông năm bính-tý 1516, Trần Cảo hãm kinh-thành (Thăng-long), tiếm hiệu. Lúc bấy giờ vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) ở Tây-đô (Thanh-hoa), cha các tướng đi đánh, sai ông làm Nam-doanh đề-sát, tiến vây ngoài cửa Đại hưng, lấy lại được thần-kinh. Về việc ấy, bộ *Khâm-định Việt-sử* (q. 26, tờ 30-31 b) chép như sau này: Năm bính-tý 1516 vua Lê Chiêu-tông về Tây-kinh (Thanh-hoa). Trần-Cảo vào giữ kinh-thành (Thăng-long). tiếm xưng hiệu là Thiên-ứng, lâm triều xưng chế, dùng Lê-quảng-Độ coi việc nước. Trần-Chân là chức đô-lực-sĩ Thiết-sơn-bá đem quân dũng-sĩ và hương binh tử-đệ vài nghìn người, đóng đồn ở chợ Hoàng-hoa (trại Ngọc-hà) để mưu đánh Trần-Cảo. Trần-Cảo nghe tiếng, sai người trong đảng là Phan-Ất, từ làng Bảo-đà. huyện Thanh-oai, tiến lên. Trần Chân đem quân đi đường Dư-dụ, thuộc Thanh đàm, đón đánh. Gặp nhau ở Sạ-đôi (tức Gò-bần) làng Giảng-vũ. Trần-Chân hết cả khí-giới, phải lấy mảnh sành để ném, sau bị thương nặng. Lại vì cô-quân, không thể ở lâu, nửa đêm phải lui quân về chợ Hoàng-hoa. Lê Chiêu-tông ở Thanh-hoa nghe tiếng Trần-Cảo đã phạm vào kinh-thành, tự làm tướng ra đánh, đem nghĩa-binh ba phủ Thiệu-thiên, Hà trung và Tĩnh-gia, sai Nguyên quận-công là Trịnh-duy-Sản đi từ Thiên-quan và Ứng-thiên; An-hòa hầu là Nguyễn-hoằng Dụ đi từ Tràng-an và Li-nhân; Bình-phú hầu là Nguyễn-văn-Lự và Vĩnh-hưng-hầu là Trịnh-Tuy, tất cả đem quân thủy quân bộ đều tiến, thẳng đến Đông-kinh (Thăng-long) truyền bịch các quận huyện. Vua Chiêu-tông đến làng Tiêu-viên (phủ Ứng-hòa). Trần-Chân đến trước hành-tại, bái yết Sơn-nam phó tướng là An-tín-bá Trịnh-Hy, Đề-sát là Lê-Sạn, tán-lý là Lê-Đực, ký-lục là Trưng-huyền-Linh, cả bọn cùng khởi ở Sơn-nam, đem quân tiếp theo vây ngoài cửa Đại-hưng. Trần-Cảo đem quân lên lầu trên cửa Đại-hưng, cắm cờ bắn súng để chống nhau với quan quân nhà Lê. Một chốc thấy quân ba chỏm (quân nào cũng để một chỏm giữa và hai trái đào) từ Mộng-kiều, ở Kim-liên tiến vào cung Thụy-quang, thì Trịnh-Hy lui về Hồng-mai (nay là Bạch-mai), gặp quân thủy quân bộ của Hoằng-Dụ và Duy-Sản, lại cùng tiến vào, vây cả bốn mặt thành. Trần-Cảo đóng cửa thành, giữ chặt. Duy-Sản đánh phá góc tây bắc, có đảng giặc ở Sơn-tây là Hà-công-Chân, cũng đem quân về, định vây thành, vừa gặp Duy-Sản. Duy-Sản cố sức đánh, Công-Chân thua bị chết. Tả-kiểm-hiệu là Lê-Liễn đánh nhau với bọn Công Chân, bị chết trận ở làng Dịch-vọng. Trần-Cảo mở cửa thành chạy, qua sông Thiên-đức, trốn về Lạng-nguyên (có lẽ ở Lạng-sơn).. Lúc bấy giờ vua Lê đóng ở Thanh-đàm, bọn Nguyễn-Ung và Đỗ-Nhạc rước về Thăng-long, đại-xá, cải-nguyên, lấy năm ấy (1516) là năm Quang-thiệu thứ nhất. lại bắt được đảng của Trần-Cảo là Phan-Ất ở Đông-triều, đóng cũi, đưa về kinh-sư, chém ở phường Đông-hà, thuộc huyện Thọ-xương.».

Năm đinh-sửu 1517 Lê-Sạn thăng thượng thư bộ Hộ, năm sau (1518) thăng thượng-thư bộ Lại. Năm ấy ông 43 tuổi. Dần dần được phong tước

Trung-huân bá, về trí sĩ, có tiếng tiết-nghĩa (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 5 b). *Đăng khoa lục* (q. 1. tờ 50 b) chép ông Lê Sạn phụng mệnh đi sứ, truy tặng Trung-huân bá.

3. — **Nguyễn-văn-Thái**, người làng Tiền-liệt, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng tỉnh Hải-dương. Năm 24 hay 34 tuổi (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 b, chép năm 24 tuổi; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 49 a-b, chép năm 34 tuổi) đỗ nhất giáp tiến-sĩ đệ-tam danh khoa nhâm-tuất 1502. Tháng 2 năm canh-ngọ 1510, hiệu Hồng-thuận thứ hai, sung chức phó sứ sang nhà Minh cầu phong (*Khâm-định Việt-sử*, q. 26 tờ 3 a; *Đăng khoa bị khảo* q. Hải-dương, tờ 49 a, chép nhầm là sung phó sứ bộ cống). Dần dần làm đến Đông-các đại-học-sĩ, tước Đạo-xuyên-bá. Tháng sáu năm đinh-hợi 1527, Mạc Đăng-Dung ở Cổ trai vào Thăng-long, ép Hoàng-đệ Xuân (1522-1527) nhường ngôi. Lúc ấy bách quan bái ban vừa xong, chưa có thiện-chiếu (tờ chiếu nhường ngôi). Mạc Đăng-Dung sai Lại-bộ thượng-thư là Thương-phu-Thuyết khởi thảo. Phu-Thuyết trợn mắt mắng rằng: « Thế là nghĩa gì? » Mạc Đăng-Dung mới sai Đông-các đại-học-sĩ là Nguyễn-văn-Thái. Nguyễn-văn-Thái đã thảo sẵn. Mạc Đăng-Dung bèn tuyên tờ chiếu, rồi xưng hoàng-đế, đổi năm Thống-nguyên thứ bảy (1527) làm năm thứ nhất hiệu Minh-đức (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, q. 27, tờ 15 a). *Đăng khoa bị khảo* (q. Hải-dương, tờ 49 b) chép « ông vì lòng tham phú-quí tước-lộc quá nặng, mới đổi tiết thờ nghịch Mạc, cùng với Hoàng-văn-Tán làm tờ chiếu truyền ngôi để cầu tước vị. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, tước hầu. Lại vì Mạc Đăng-Dung đem biểu xin hàng với nhà Minh, không kể gì danh-giáo cương-thường, không nghĩ đến trung-nghĩa liêm-sỉ ». Về việc này, *Khâm-định Việt-sử* (q. 27, tờ 29 b-33 a) chép rằng: « Năm mậu-tuất 1538, Đăng-Dung nghe quân Minh sắp sang đánh nước ta, sợ lắm sai người đảng mình là bọn Nguyễn-văn-Thái đem tờ biểu sang nhà Minh, xin hàng nói dối rằng: « Lê Tương-dực đế bị giặc là Trần-Cảo giết, Đăng-Dung cùng người trong nước tôn lập Chiêu-tông, chẳng bao lâu lại bị gian-thần là lũ Đỗ-ôn-Nhuận và Trịnh-Tuy dỗ vào Thanh-hoa. Đăng-Dung lại tôn lập Cung đế, rồi lại vào Thanh hoa đón Lê Chiêu-tông. Hai ông đều bị bệnh mất: họ Lê không ai nối dòng làm vua, cho nên khi Cung-đế (tức Lê Hoàng-đệ-xuân) bệnh nặng, bàn với quần thần rằng: cha con Đăng-Dung có công với nước cho vời vào điện giao cho ấn-chương, để nối dòng làm vua: thế là được người trong nước suy tôn. Sở dĩ không dâng biểu và sang cống, là vì trước kia bị Trần-Cung (con Trần-Cảo, giữ Lạng-Sơn, ngăn trở đường đi, sau bị quan giữ cửa ải không cho vào. Đến như bây giờ mà xưng là họ Lê đó là con người khác, không phải con Chiêu tông ». Vua nhà Minh biết là nói dối, vả lại xin hàng mà lời-lẽ không khiêm-tốn, lại không trói mình thú tội, vì thế nhà Minh quyết ý sang đánh, sai bọn Cừu-Loan và Mao-bá-Ôn chạy tin ra Quảng-tây, bảo tuyên quân để sang đánh. Đến cuối năm canh-tí 1540, quân Mao bá-Ôn đến cửa ải. Đăng-Dung đã sai người đến cửa dinh đem đất sáu động (Tư-phù La phù, Cổ-xâm, Liễu-cát, Kim-lặc và An-lương nay thuộc châu Vạn-ninh bên Tàu, nguyên đất châu Vĩnh-yên thuộc Quảng-yên của ta ngày xưa) đem lo-lót với Mao-bá-Ôn. Mao-bá Ôn cho quân tạm nghỉ. Đăng-Dung sai Văn-Minh và Nguyễn-văn-Thái đem tờ biểu xin hàng sang tận kinh-đô bên Tàu.»

Đăng khoa lục (q. 1 tờ 50 b) chép Nguyễn-văn-Thái, khi đi sứ lần thứ hai, bị giam, lấy vợ người Tàu, sinh con là Ngạn Sán, cho theo họ mẹ là họ Trương, sau cũng đỗ tiến-sĩ. Nguyễn-văn-Thái là em Nguyễn-đoan-Kính, đỗ nhị-giáp khoa 1499.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thống-chế Pétain đã nói:

Đối với các công-gia những nhà tiểu-công nghệ ở thôn-quê phải những kẻ phụ-thuộc cần thiết.

Cơ-chỉ đầu tiên của Triều Nguyễn, xứ Nam-kỳ lại là xứ khai-thác sau cùng Cố đô bằng nầy, theo lời người xưa, là vô dụng võ chi địa. Song, lắm phen nó làm bãi chiến trường. Giống Việt-nam tàn sát giống Cao-mên ; chúa Nguyễn với Tây-sơn mấy lần kịch chiến ; sau nữa binh Pháp kéo vào Còn sự học ở đây, bao giờ cũng kém hai xứ Trung, Bắc.

Dưới triều Nguyễn, ở Nam kỳ có đỗ đạt chỉ lưa thưa vài bốn ông Tấn sĩ, mà Phan Thanh Giản là được sự nghiệp hiển hách hơn cả.

Rồi sang qua học tây, trước hơn ở Bắc-kỳ, mà trong Nam chỉ cầu tốc thành bậc sơ đẳng, để cung vào các công sở. Thế mà thôi.

Trường Cao-đẳng, rồi trường Cao-học, rồi trường Đại-học, lần hồi thiết lập, đều ở cả lại Hà-thành.

Người đỗ đạt bậc cao, ở bên Pháp về (như các ông Ngụy Như Kontoum, Hoàng xuân Hãn, Phạm duy Khiêm, Nguyễn Mạnh-Tường, Nguyễn Văn Huyên, Ngô Đình Nhu, v. v.) đều cũng là người ở Trung, hoặc ở Bắc.

Cho đến văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, tài tình, tự tu sau buổi ra trường cao-tiểu hoặc trung-học, cũng không phải ở Nam Kỳ mà có. (1).

Vo duyên thay xứ Nam-kỳ ! Tôi muốn nói vô duyên với sự học, thời kim như thời cổ.

Ông Phạm Quỳnh, năm xưa, vào chơi Lục Tỉnh, có viết :

« Tỉnh Vĩnh Long lại có một cái Văn-miếu, quy mô cũng phỏng theo các nơi văn-miếu ngoài ta mà cách sắp đặt sơ sài lắm : ở gian giữa không có bài-vị đức Thánh-sư, chỉ treo có một cái tranh hình ông Khổng râu sồm tóc bởi của các hiệu Khách thường bán ! Than ôi ! Phu-tử lạc lõi đến đây làm gì ? Ai là người còn biết cúng tế ngài cho hợp lễ, hợp những lễ-phép ngài đã đặt ra, vì sách ngài còn mấy người đọc nữa ? Trong miếu có đôi liễn khắc của cụ nguyên Học-bộ Cao Xuân-Dục làm mùa thu năm quí-mão, tôi sao được như sau này :

春秋何等乾坤道在五經雙日月
洙泗別成宇宙　過大省一宮牆

Cả trong miếu còn có đôi liễn đó là chút văn chương thừa ! »

(*Một tháng ở Nam Kỳ* (novembre 1918-Janvier 1919) trong *Nam Phong* số 20)

Có như lời ông Phạm Quỳnh, ở Nam-kỳ, ngày nay còn hơn năm 1918 1919 ấy nữa, không mấy người đọc sách Khổng Mạnh được. Nhưng may mà còn Văn Miếu ở Vĩnh Long, thì cũng còn hành nhân qua đó tự hỏi và hỏi người chung quanh, mà cái tên ông tổ đạo nho không đến nỗi mất hẳn trong trí nhớ dân miền Nam.

Nếu lại vào trong miếu, đọc đôi liễn kia, thời biết thêm : cách đây một trăm năm (quí mão, nhằm 1843), từ bốn Tứ sông Thù ở bên Tàu, bộ *Ngũ kinh* có truyền sang Lục Tỉnh.

Phỏng khiến ông Phạm Quỳnh, được như tôi, trông thấy di-tích của Văn miếu Biên hòa, thời không biết với cái văn-tài trác-việt ông sẽ làm cho độc giả cảm động là dường nào.

VĂN MIẾU Ở NAM KỲ

PHAN-VĂN-HÙM

Trong tỉnh Biên hòa, về quận Tân uyên, nơi làng Hiệp hưng xưa (làng nầy bây giờ làm một ấp của làng Uyên hưng) trên con đường địa hạt P - 8, tại cây số 61, cách chợ Tân uyên ngoài ngàn thước, cách Sài-gòn 50 cây số, có một ngôi đình thờ Thần.

Trong đình nầy có treo đôi liễn khắc :

江漢以濯秋陽以暴皓乎不可尙；尊廟之美百官之富遊者難爲言.

(*Giang hán dĩ trạc, thu dương dĩ bộc, hạo hồ bất khả thượng ; Tôn miếu chi mỹ, bách quan chi phú, du giả nan vi ngôn.*

Một bên câu trước có hàng chữ nhỏ, đề : 嗣德己酉夏 (*Tự Đức kỷ dậu hạ*) (Tức là 1849-) Một bên câu dưới có hàng chữ nhỏ, đề : 署部參知兼都察院右副都御史巡撫邊和等處地方兼佈政使印纂吳文迪恭書 (*Thự bộ Tham-tri kiêm Đô sát viện Hữu Phó Đô-ngự-sử Tuần phủ Biên hòa đẳng xứ địa phương, kiêm Bố chính sứ ấn triện, Ngô Văn Địch cung thư.*)

Câu liễn trên kia không phải là liễn thờ Thần, mà rõ là liễn thờ Khổng-Tử. Hồi ra thời lúc Biên-hòa có cuộc binh hỏa, dinh lũy đền đài và Văn-miếu ở đấy đều bị triệt hạ. Một ông Lãnh binh bèn mang đôi liễn đem giấu ở đình Hiệp-hưng.

Ngày 16 décembre 1861 chiếm thành Biên-hòa xong Amiral Bonnard phúc bẩm về Binh bộ có đoạn như vầy :

« Destruction complète et dispersion du camp de Mỹ Hòa, située à trois lieues de Saigon ; prise de trois forts et explosion d'un quatrième ; évacuation totale de la province de Biênhoa par l'armée de Tự Đức... » (Hoàn toàn phá hủy và giải tán đồn Mỹ Hòa, cách Sàigon ba dặm ; chiếm đoạt ba cái bảo, và một cái bán nổ banh ; toàn thể binh lực Đức lìa bỏ tỉnh Biên Hòa...) (xem *Monographie de la Province de Biên-Hòa*. Saigon, 1902.)

Thế là mười hai năm sau khi cụ Ngô văn Địch dâng đôi liễn vào Văn miếu Biên hòa, Văn miếu không còn mà đôi liễn phải lưu lạc về xứ Tân uyên.

Nay một kẻ lưu lạc về đây, kẻ ấy không là người cửa Khổng, lại đứng trước đôi liễn nầy mà ngậm ngùi, không biết vì mình hay vì « chút văn chương thừa » theo lời ông Phạm Quỳnh. Văn miếu đâu đây, nhà nho tàn mất ! Vang son chưa lạt, câu liễn chỉn bơ thờ giữa chốn quê mùa. Nầy là lời Tăng Tử : 江漢以濯之；秋陽以暴之皓乎不可尙 Giang hán dĩ trạc chi, thu dương dĩ bộc chi, kiêu kiêu hồ bất khả thượng (Sách *Mạnh Tử* chương *Đằng văn Công*) ; nầy là lời Tử Cống : 夫子之牆數仞，不得其門而入，不見宗廟之美，百官之富. Phu tử chi tường số nhẫn ; bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tôn miếu chi mỹ, bách quan chi phú. (Sách *Luận Ngữ*, chương *Tử Trương*) ; đều là lời tán dương ông Khổng mà cụ Ngô Văn Địch khéo châm chước, góp vào một câu đối, xứng đáng để thờ vị Thánh sư.

Nhưng cuộc thế đổi dời, một câu văn hay có còn, mà ai còn thiết đến nữa lựa là hỏi đến Văn-miếu làm gì !

Phụ chú. — Trong câu liễn trên kia tôi sao y nguyên văn. Chữ *tôn* dùng thay chữ *tông* có lẽ vì húy vua Minh Mạng. Chữ *hạo* thay chữ *kiều*, tôi chưa rõ vì sao. Lời : *du giả nan vi ngôn* là lấy chữ trong sách *Mạnh tử* thiên *Tận tâm thượng*.

PHAN VĂN HÙM

(1) L. T. S. — *Tác giả bài này vì quá thiết-tha với các đồng bào trong Nam, nên không khỏi thốt ra những lời kịch lệ như thế.*

Theo ý chúng tôi thì văn hiến là văn hiến chung, nhân tài là nhân-tài chung, chim Việt dẫu mỗi con một vẻ, nhưng cũng quanh quẩn ở một cành Nam cả. Thật quả Tri-Tân cũng như tác giả, không hề có chút ý gì là dám phân biệt Nam Bắc. Xin các bạn đọc lượng thứ cho.

(2) *Xuân thu hà đẳng kiền khôn, đạo tại Ngũ kinh, song nhật nguyệt ;*
Thù Tứ biệt thành vũ trụ, đồ qua Lục Tỉnh phất cung tường.

Các bạn muốn có thủ bút của tác-giả
« QUANG-TRUNG » ?
Các bạn nên mua ngay
« QUANG-TRUNG » kẻo hết

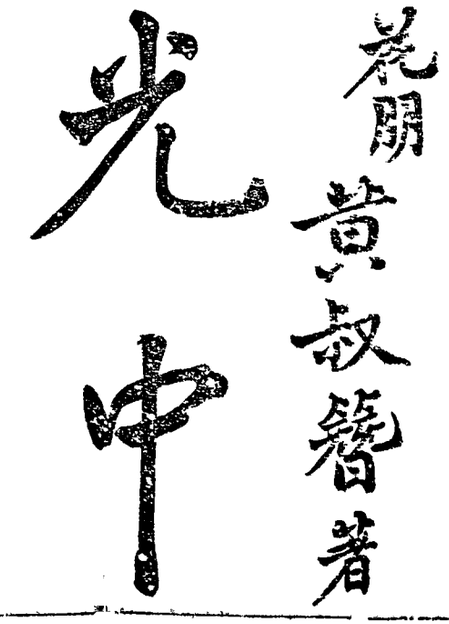

BA BÀI THƠ TRONG TẬP QUẾ-ĐƯỜNG (1)

I Tái giản Kiệm-đường

Kiệm đường là tên hiệu của Tra Lễ, Tra Lễ là tri-phủ Thái-bình bên Tàu; về triều Lê, nước ta sang sứ Tàu, qua khỏi cửa ải thì đến phủ Thái-bình, ông Lê quý Đôn đi đến phủ Thái-bình, được quan phủ là người thanh nhã, thích ngâm vịnh, hai bên xướng họa rất nhiều. Nay trích bài này tức là bài thứ hai khi Lê quý Đôn đi khỏi phủ Thái bình để vào kinh (vì khi làm biệt ông làm luôn 3 bài).

Nhị thập niên tiền mộng thử du,
Phong lưu Thái-thú nhạ hành chu.
Mộ xuân yên thụ phi hoa liễu,
Tình nhật giang thành thốc mã cừu.
Thanh nhõn lâm-thường không tứ hải,
Giao tình nga-khoảnh trọng thiên thu.
Phân minh hội ngộ thành giai thoại,
Hà lận cầm tôn nhất xướng thù.

dịch:

Bài thơ thứ hai đưa Kiệm-đường

Hăm mấy năm xưa mộng đất này,
Phong lưu Thái-thú đón thuyền đây!
Khói mây xuân cuối bay hoa liễu,
Cửu mã thành sông loáng nắng ngày.
Bốn bể mắt xanh không đếm-xỉa.
Nghìn thu tình nặng phút sum-vầy.
Rõ ràng chuyện lạ duyên tao ngộ:
Đàn, rượu, thơ ngâm: khách tỉnh say (2).

II Giản Triều-tiên quốc sứ

Lê quý Đôn sang sứ Tàu, gặp chánh sứ Triều-tiên là Trạng-nguyên Hồng Khải-Hi, phó sứ là Trạng-nguyên Triệu vinh-Tiên và Xuân-Phường học-sĩ Lý huy-Trung. Hai bên đều thông tên họ. Trong khi nói chuyện, sứ Triều-tiên có đưa tặng một bài thơ, quạt giấy, thuốc viên cùng đồ phương vật; Lê quý Đôn làm thơ để tặng.

Doanh hải đông-nam các nhất phương,
Tề xu tượng khuyết bái Thiên-vương.
Tản-viên khái tự Tòng-sơn tú.
Áp-lạc ưng đồng Nhị thủy trường.
Lục tịch dĩ lai đa học vấn,
Cửu trù nhi hậu cánh văn-chương.
Lữ hoài tập điệp như quân phiến,
Tân đối xuân-phong vị triển dương.

Tản-viên = núi ở địa phận Sơn-tây (Bắc-kỳ).

Tòng-sơn = núi ở Triều-tiên.

Áp-lục = sông ở Triều-tiên.

Nhị thủy = tức sông Nhị-hà chảy qua kinh đô Thăng-long.

Lục tịch = sáu kinh của đức Khổng-tử

Cửu chù = chín cái pháp độ về chính trị của Cơ-tử (Triều-tiên là con cháu ông Cơ-tử).

dịch:

Tặng sứ Triều-tiên

Quanh bể đông nam dẫu khác phương,
Cùng về cửa khuyết bái Thiên-vương.
Tản, Tòng hai núi đua màu đẹp.
Áp, Nhị đôi giòng rợn nước gương.
Mở trước sáu kinh: bao học-vấn.
Nối sau chín thẻ: nỗi văn-chương.

BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như Đào duy-Anh, Nguyễn-văn-Tố, Trần-trọng-Kim, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-trần-Chúc, Đào-trình-Nhất, Nguyễn-Tuân, Thế-Lữ, Tú-mỡ, Trần-thanh-Mại, Vũ-hoàng-Chương, Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lư, Ngô-tất-Tố, Nguyễn-Hồng, Hàn-mặc-Tử, Đông-Hồ, Thiệu-Sơn, Phan-Khôi, Quách-Tấn, Huy Cận, Xuân-Diệu Đoàn-phú-Tứ, Trần-tuấn-khải, Hoàng-ngọc-Phách, Tản-Đà, Tam-Lang, Trọng-Lang v.v..

Tất cả 40 ảnh (Khổ 9×12) in trên giấy láng tốt bạn bạn muốn có đủ, xin gởi mandat 8$60 cho: M. Yên-Sơn, Kiosque *Thanh-Tao* ở *Vinh* (ảnh sẽ gởi theo lối bao đảm đến bạn cùng 1 lần với 2 quyển *Nhà Văn Hiện đại* của Vũ-ngọc-Kim.

Lữ hoài ấp-ủ cầm như quạt,
Gặp gió xuân đây mới mở dương (3).

III Phụng sai Đề-điệu Hải-dương thí viện

tiểu nhàn, ngẫu thành,
trình chư đồng cán
(Nhâm-thìn niên thập nguyệt)

Thập niên tái phụng điền thu vi,
Trạch quốc yên sương nhiễm khách y.
Cộng đạo Bản-triều văn giáo thịnh,
Khởi vân Đông-thổ vĩ-nhân hy
Lý đào khả nhỡn hân kim thị,
Kinh cức lao hoài ức tạc phi.
Đa hạnh quần công tinh tảo giám,
Bất phương thủ xướng bút tần huy.

dịch :

Phụng mệnh vua sai đi Đề điệu trường thi Hải-dương, nhân khi hơi nhàn, ngẫu nhiên thành thơ, trình các bạn đồng sự

(tháng 10 năm Nhâm thìn 1772)

Mười năm lại giúp việc trường văn,
Sương khói miền đông đẫm áo khăn,
Trạnh cảm Bản-triều chăm giáo-hóa,
Hà e Đông-hải hiếm danh nhân!
Lý đào nay bón vui vì nước,
Gai góc xưa vương trót nhọc thân.
Các bạn cầm cân : soi xét rõ;
Ngại gì xướng họa múa dăm vần! (4)

TIÊN-ĐÀM

---

1) Quế-đường là hiệu ông Lê quý Đôn — Trích ở bài diễn thuyết tại hội quán Trí Thể dục Thái-bình ngày 26 Avril 1944 sẽ in ra thành tập.

2, 3, 4) bạn Hoa Bằng có sửa lại hộ bản dịch

GIỚI THIỆU

I — Tiểu thuyết thứ Bảy tái bản

Chúng tôi vừa được tin bạn đồng nghiệp **Tiểu thuyết thứ bảy** đến 1er Juin 1944 — sẽ tục bản thành **Nguyệt san** với một khuôn khổ nhỏ bơn dày 120 trang giá bán 1$20.

Bạn đồng nghiệp tạm ra thưa kỳ như vậy để chờ đợi một ngày tươi đẹp khác lại ra hàng tuần như trước.

Chúng tôi xin báo tin này để các độc giả yêu quý của **Tiểu thuyết thứ bảy** rõ và xin có lời chào bạn đồng nghiệp lại góp mặt trên văn đàn.

II — Tranh quốc sử

Chúng tôi vừa nhận được của ông Tu-Duyên, Nguyễn-văn-Duyên ở 38 phố Mới Hanoi và 150 đường Lagrandière Saigon gửi tặng một bức chân dung cụ **Phan-thanh-Giản** (1796-1867) là bức vẽ nhiều mầu đầu tiên trong nghề in bằng tay (estamper à main) do chính ông khắc và in lấy.

Ông sẽ lần lượt cho in những bức ảnh Lê-văn-Duyệt, Võ-Tánh Hoàng-tử-Cảnh v.v...

Mỗi bản thường giá 5$ và bản in trên giấy lụa giá 60$.

Đó là một sáng kiến rất đáng khen chúng tôi xin thành thật cảm ơn ông Duyên và giới thiệu với các bạn đọc loại tranh quốc sử rất bổ ích này.

TRI-TÂN

BAN QUẢN TRỊ MỚI CỦA HỘI T.B.H.Q.N. HẢI-PHÒNG

Dưới đây là danh sách các vị do đại hội-đồng bầu vào quản-trị hội T.B.H.Q.N. Hải phòng, khoá 1944-1945:

Hội trưởng: Nguyễn-sơn-Hà.

Phó hội trưởng: Vũ-trọng-Khánh và Bùi-huy-Thục.

Tổng-thư-ký: Đoàn-đức-Dư.

Phó-thư-ký: Trần-xuân-Hòa và Phạm-Tính.

Chánh-thủ-quỹ: Nguyễn-hữu-Tảo.

Phó-thủ quỹ: Nguyễn-hữu-Tuyền và Nguyễn-hữu-Tụy.

Giám-sát: Nguyễn-mậu-Trinh và Bùi-duy-Lý

Cố-vấn: Trịnh-quang-Quỹ, Nguyễn-văn-Xuân, Đỗ-Thổ, Nguyễn-văn-Quang, Nguyễn-văn-Tín, Hoàng-tích-Minh và Phạm-hữu Dinh.

Hộp thư

Hôm 20 5.1944 tòa báo có nhận được một ngân phiếu 6$00 số 044417,094 ở Vinh ra không có thư có tên kèm theo.

Vậy vị độc-giả nào đã gửi cho xin biết ngay để ly trị sự tiện việc vào sổ?

TRI TÂN

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p·00 một vé

TỰ VỊ NÀO ĐỦ ?

(tiếp theo bài trả lời báo *Thanh niên* đăng ở *Tri tân* số 143)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Trong bài nói *Về chữ « thà » và « chẳng thà »*, tác-giả mục *Thấy đâu nói đó* của báo *Thanh niên* (số 33, ngày 29-4-44, tr. 9) hỏi một câu rằng : « Vậy thời quyển tự-vị nào là (!) đủ ? »

Tôi cho quyển nào cũng thiếu, vì tiếng nào đã gọi là « hoạt-ngữ » thì sinh-sinh hoá-hoá luôn-luôn, phải có tự-vị ra hàng năm, hoặc hai ba năm một lần, thì may ra mới đủ.

Các nhà chuyên khảo về khoa ngôn-ngữ đã ví tiếng nói của người ta như một giống sinh vật : tiếng nào cũng có hồi non-rớt, rồi đến hồi trưởng-thành ; tiếng nào không thông-hoạt thì tự-nhiên tận-số, thành ra « tử-ngữ », như tiếng phạm, tiếng la-tinh...Xem một « chữ mới » nào đó, lúc đầu còn theo nghĩa mới, sau dần dần đổi nghĩa hay thêm nghĩa, hoặc mất nghĩa, không ai dùng nữa, thành « chữ cổ » ; nhưng chữ cổ có khi theo nghĩa mới, lại thành « chữ mới » : cứ như thế biến hóa không biết đến đâu là cùng. Cho nên chưa có tự-vị nào chép đủ cả chữ mới, chữ cũ, từ tiếng thường dùng, câu tục-ngữ, cho đến tiếng nhà nghề, lời thôn quê.

Chữ mới và chữ nhà nghề không chép đủ, đã đành, vì có chữ chưa định nghĩa, hay chưa thông-dụng. Đến như chữ cũ mà không chép, thì không được.

Thí-dụ chữ « chẳng », của Tây là *ne*, chỗ nào thừa nghĩa, đã bỏ gần hết ; nhưng tự-vị tây vẫn chua nghĩa, gọi là hư-tự hay hư-từ (explétif) (1).

Tiếng ta cũng phải chua, vì hiện nay còn nhiều câu đặt cả « thà » và « chẳng thà » như mấy câu tục-ngữ ca-dao tôi dẫn kỳ trước (*Tri tân*, số 136 và 143). Cả hai câu này nữa : « Thà cho ăn, chẳng thà cho thấy », « Thà cho nhau ăn vàng, chẳng thà đem đàng đi buôn ». Hai câu này cũng như câu « Thà bán lỗ, chẳng thà xách rổ về không », đã có người dịch ra chữ tây rõ ràng lắm, nhưng tôi không sao lại câu chữ tây ra đây, để xem tác giả bài *Thấy đâu nói đó* giảng ra làm sao. Tất-nhân tác-giả lại đem chữ « nguyện » gán vào, để hiến độc-giả *Thanh niên* một câu tiếu-lâm nữa ! Tự vị tha-hồ cắt nghĩa « chẳng thà » là « còn hơn » (*phutôt que de*), tác-giả nhất định không nghe. Thế mà chính tay tác-giả lấy tự-vị Génibrel ra dẫn chữ ninh là thà ! Nhưng vì « kém thành thực », — hay nói cho đúng, vì thiếu thành thực, — nên cứ mặc thinh, không dẫn nghĩa chữ « chẳng thà » trong tự-điển, cứ một mực cãi hoài, cho là hai chữ khác nhau ! Thảo-nào tục-ngữ tây có câu : « Nói với người điếc còn hơn nói với người cố ý không nghe » !...

Năm 1937, ông G. Hue xuất bản một quyển tự-vị tiếng ta và tiếng tàu dịch ra chữ Pháp (*Dictionnaire annamite-chinois-français*), tuy không cùng loại với quyển *Việt-nam tự-điển* (xuất bản năm 1931-1939) nhưng còn đủ hơn nhiều. Ông cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà » làm một nghĩa và dẫn câu « Chẳng thà cứ để mặc kệ thì hơn » (Ne vaut-il pas mieux laisser faire ?). Có phải cùng lối với câu « Chẳng thà chết già ở đây còn hơn », là câu của tôi dịch chữ Hán « Ninh an ư thử dĩ chung lão hồ » ? Không ai nhầm, ai cũng cho là câu thành-ngữ đã dùng quen. Chỉ có tác-giả bài *Thấy đâu...* của báo *Thanh niên* không quen mà thôi, nên bảo « chẳng thà là nói nghịch (!) với ý muốn (!) của mình ! »

Một câu như thế, nói còn lúng-ta lúng-túng, huống chi « vấn đề ngôn-ngữ » ! Quả nhiên bạ đâu nói

Đã có bán :

NHÀ BÊN KIA
của Đỗ-Đức-Thu giá 0$65
Thân-thế và văn-chương
TÚ MỠ
do Lê-Thanh viết giá 0$60
EM LÀ GÁI BÊN SONG CỬA
của Lưu-Trọng-Lư giá 1$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trinh Nhất giá 2$00
Khảo-cứu về
TIẾNG VIỆT NAM
của Trà-Ngân giá 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương-Ngà giá 3$00
KIM TỰ THÁP
của Phan-Quang-Định giá 2$
NỬA ĐÊM
của Nam Cao giá 2$00
Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

đấy: đặt câu thì sai mẹo, dẫn chứng thì lẫn chữ này với chữ kia. Như câu « Ngôn-ngữ nước nhà chưa nhất-thống » (*Thanh-niên*, số 33 tr 6), nghe thật là lố lăng! Nhất-thống là một chính-phủ cầm quyền trị nước, nếu trong nước mỗi người giữ một phương, thì gọi là cát-cứ, không gọi là nhất-thống. Ta thường nói: « Nhất-thống sơn-hà »; sách tàu có câu: « Nhất-thống giai vi quân huyện » đều là nghĩa « một chính-phủ ». Thế mà *Thanh-niên* lại nói « ngôn-ngữ nhất-thống », có phải là vừa sai vừa buồn cười không? Phải chữa là « thống-nhất », vì « thống-nhất » mới có nghĩa là « họp cả các mối lại làm một, confier » (Đào-duy-Anh, *Hán-Việt từ-điển*).

Mười dòng dưới tác-giả bài *Thấy đâu*... viết câu « Tiếng nói ba kỳ chưa nhất luật », Chữ « nhất luật » ấy mới thật đúng, nhưng chỗ này tác-giả lại mắc phải bệnh nói lắp: cách có mười dòng, đã viết hai câu trùng ý nhau, mà có phải để cho mạnh nghĩa đâu, chỉ để dẫn thí dụ, nhưng thí dụ lại dẫn nhầm! Tác-giả nói: « Người Bắc viết « nhầm » là chỉ sự « lầm », thì phải rồi; — « Người Nam viết « nhầm » là chỉ sự « đúng », cũng phải, việc gì lại nói là không nhất luật? Cả người Bắc người Nam, ai cũng biết nghĩa chữ « nhầm » là « trùng », là « đúng », chỉ một mình tác-giả, vì chưa quen « vấn-đề ngôn-ngữ », còn « bỡ-ngỡ như rợ về đồng-bằng » nên mới lẫn chữ *ă* với chữ *â*, cho nhầm với « nhầm » làm một!

Có sáu dòng chữ, mà đã nhầm đến bấy nhiêu! Những dòng kia cũng nhầm như thế! Thí-dụ câu « ... một phận sự của bất-kỳ *là một* nhà văn nào » (*Thanh-niên*, số 33, tr 6), thừa hai chữ « là một »; — câu « nên tránh cho xa, kẻo *phải* phạm vào... lỗi », thừa chữ « phải », nên xóa đi... Còn nhiều chữ nữa, để tôi chữa dần; nhưng tôi chỉ chữa bài « chẳng thà », chứ lấy hết mục *Thấy đâu*... của *Thanh-niên* ra chữa, thì phải viết đến một số báo Duy câu này (cũng ở bài, chẳng thà), nên nói ngay. tác-giả viết ở trang 6: « Khi nhỏ học trường sơ đẳng, đến qua (!) trung-đẳng... các thầy dạy về khoa quốc-văn thường hay đem vấn-đề nầy (là thà và chẳng thà) mà (!) bàn (?). » Câu ấy phạm tội bất-kính...

Nói tiếng ta chưa sõi (nhầm nhầm), đặt câu còn sai mẹo (kẻo phải phạm), lẫn chữ này (nhất thống) với chữ kia (thống nhất). cắt nghĩa y như người mới học (chẳng thà là gì? thừa chẳng là không...), đến lúc có người bảo là sai, thì đem tự-vị ra, nhưng lại giả tảng, không dẫn chữ « chẳng thà » là « thà », hoặc giảng nhầm hay cố ý giảng nhầm (mình là nguyện), rồi đặt ra những câu chuyện nực cười như câu chuyện « nguyện bán-lỗ », « nguyện làm đầu gà »; đến cùng kế, đem thầy ra cho người ta nể, không nỡ nói: thế mà khoe những « trung-đẳng... »! Không sợ tội với thầy, với sách, với lương-tâm ư;

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Sách mẹo cho chữ *ne* (là chẳng) thuộc về hình-thái (modal) — Nhân tiện tôi chép một đoạn mẹo về chữ *ne* để trả lời chung cho mấy bạn đọc bao đã viết thư hỏi tôi về cách dùng chữ *ne* với chữ *douter* (là ngờ, không chắc): « Quand le verbe exprimant le doute est employé sous une forme affirmative, on ne met plus aujourd'hui la négation *ne* devant le verbe de la subordonnée; Je doute qu'il réussisse jamais à me convaincre; — Vous doutez qu'il en soit ainsi, et vous avez raison. Mais, au contraire, il est encore de règle d'écrire comme les classiques: Je ne doute point que l'hymen ne vous plaise (Molière, *E. des f.*, 616); — Elle ne doute point que la Reine ne les lui eût donnés (La Rochef., II, 12). Nous avons ici un des cas les plus remarquables de l'influence mécanique d'une négation, car « ne pas douter que » implique une certitude, et cependant le subjonctif se conserve et le *ne* est présent. On trouve aussi *ne* après une principale interrogative: Doutez-vous, en effet, qu'Axiane ne l'aime? (Rac., *Alex.*, 82) Le mode que la logique appellerait, savoir l'indicatif sans *ne*, se rencontre: Vous ne pouvez donc douter que c'est Dieu qui nous y a mis (Main., *Lett.*, II, 13). De même après « il n'est pas douteux que ». Il n'a pu s'imposer partout (F. Brunot, *La pensée et la langue*, tr. 536).

ĐÃ CÓ BÁN

NGUYỄN VĂN SIÊU

của NG. NHƯ THIỆP *và* NG. VĂN ĐỀ *(lựa của quan Thượng Phạm Quỳnh và quan Lễ bộ thượng thư Ưng Bình Thúc gia Thị)*

Người mà vua Tự Đức đã tự phụ trong câu:

« Văn như Siêu. Quát vô tiền Tấn. *Giá 2$90*

Còn một số ít

Truyện đi thường *Giá 4$50*
Tìm nghĩa văn học *— 2$20*
Triết học Aristote *— 3$80*
Lý Tao *— 6$00*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT
(29 — Lamblot — Hanoi

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Số 4

LÊ-THANH

Kể từ kỳ này, vì vắng tác giả, chúng tôi xin cứ theo nguyên văn nhà lục đăng thiên di-mặc này của bạn Lê Thanh. Tựu trung vì một lẽ riêng mà phải gián-đoạn xin các bạn độc thâm mến lượng thứ cho. — L.T.S.

Ban đầu, người mình thuộc phái nho học còn cố chống đỡ họa may có thể cứu vãn được tình-thế, nhưng sau một khi thấy cái sức dàn áp của tư-tưởng mới mạnh quá, họ vội vàng làm cái công việc sửa soạn để bàn giao cái hương hỏa về tinh thần lại cho lớp sau này. Công việc của họ có thể tóm tắt:

— Đem tư tưởng trong văn học Trung Hoa đã làm căn bản cho nền văn học ta từ trước đến nay — và có lẽ cả từ nay về sau — ra diễn bằng quốc văn để những người sau này không có Hán học cũng có thể biết được.

— Đem văn-học Trung hoa mà cái văn học ta là hình ảnh, ra dùng quốc văn mà giới thiệu, giảng giải để người mình hiểu qua về nó.

— Diễu giải rõ ràng sự liên lạc của văn học Trung hoa và văn học ta, dùng văn học Trung hoa làm căn bản cho những cuộc cải cách văn học ta sau này.

Dưới đây tôi sẽ ghi lấy một cách vội vàng những công việc ấy do những nhà văn chính sau này đảm nhận:

Phan kế Bính — Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn đôn Phục, Phan Khôi, Huỳnh thúc Kháng, Trần trọng Kim...

Công việc bàn giao cái hương hỏa tinh thần.

Ông Phan kế-Bính (1). Ông là một nhà ngôn luận tiên phong của ta. Năm 1907, ông trông nom phần chữ nho trong Đăng Cổ tùng báo. Năm 1912 ông vào Nam-kỳ biên tập báo Lục tỉnh tân-văn; năm 1914 báo Đông dương xuất bản ông lại trở ra Bắc giúp việc biên tập.

Trong mười ba, mười bốn năm cầm bút, hoặc soạn hoặc dịch sách, ông vẫn có cái mục đích là dùng quốc văn mà giới thiệu cái tư-tưởng á-Đông với đồng bào ta. Ông dịch, trong Đông dương tạp chí, những tư tưởng của các nhà văn-học, triết-học Trung hoa, nhiều đoạn dịch *Mạc tử*, sách *cổ văn*, sách *chiến quốc*, những truyện rút trong *lịch sử*, ngày nay ta đọc còn thấy có nhiều lý thú.

Đáng chú ý nhất là trong hai mươi mấy số báo liền (2), trong mục *Hán việt văn khảo*, ông nghiên cứu về các thể văn, văn vần văn xuôi, của tàu của ta, trích dịch những bài kiểu mẫu làm căn cứ cho sự bình luận. Chỉ đọc riêng những bài ấy, một người không thông nho học cũng có thể hiểu qua loa văn học Trung hoa thế nào, văn học của ta thế nào.

Đặc biệt nhất là những mục « Luận về văn chương thượng cổ »: « Ngũ kinh », « Tứ truyện », « chư tử », luận về văn chương thời trung cổ », « Hán nho », « Tùy nho » Đường nho », « Tống nho »; « luận về văn chương đời cận kim », có thể gọi là những tiểu luận rất rõ ràng về văn học Trung hoa.

Trong số những người giữ việc biên tập những tờ báo đầu tiên ở Bắc kỳ, ông là một tay cự phách, đủ có cái công lớn trong cái việc gây dựng quốc văn thành một nền văn chương.

Trên miếng đất của Hán học ông cũng có cái địa vị như ông Nguyễn văn Vĩnh, ông Phạm Quỳnh trên miếng đất của tây học vậy.

Ông Đông Châu Nguyễn hữu Tiến (3)

Ông cũng là một nhà nho. Năm 1917, báo Nam-phong xuất bản, ngay số đầu ông đã giúp việc biên tập.

Những bài đã đăng, phần nhiều là những bài dịch thuật ở Hán văn.

Về sách ta, ông dịch:

Đánh thần lục (lược dịch Đại nam liệt truyện) (Nam-phong số 31-32-33), *Tồn cổ lục* N.P. số 31) dịch *Vũ trung tùy bút*... của Phạm đình Hổ.

Về sách tàu ông dịch:

Khảo về lịch sử luân-lý học nước Tàu. (N.P. số 34-46. Avril 1920 — Avril 1921). dịch sách *Trung quốc luân lý học sử* của Sái chẩn.

Có thể nói rằng đó là bản dịch một tập nghiên cứu về triết học nước Tàu. Ta nhớ rằng trước khi cái học của Âu tây tràn sang Á đông, ta không có một quan niệm rõ rệt vì triết học, tuy ta vẫn bàn luận về triết học dưới cái hình thể của luân lý, và tôn giáo. (Một vị túc nho có cho biết rằng cách đây ba mươi năm nghe nói hai tiếng triết-học, nhà nho ấy không hiểu là gì cả, tuy biết hai tiếng ấy là hai tiếng hán-việt).

Vì vậy trong vòng hơn hai mươi năm nay, các người tân học ở ta muốn nghiên cứu về triết học á-đông, ngoài những bộ sách Tây, chỉ biết đọc bản dịch của Đồng Châu mà thôi.

Lược-Ký về lịch sử nước Tàu (Nam phong janvier — avril 1928).

Từ xưa người mình coi sử Tàu như sử của mình, đi học từ bé đã phải học quyển *Sử thượng*, (chép từ đời Bàn cổ đến Chu) rồi học đến quyển « *Hán cao Tổ* » rồi mới đến Tứ thư, Ngũ kinh. Đến lúc thi cũng hỏi về sử tàu, thường ngày cũng đem sử Tàu ra đàm luận, lấy những nhân vật Tàu làm gương, nào Nghiêu, Thuấn, Vương Hựu, Tạ an... Bắc sử đối với quan hệ là thế mà sau khi bỏ khoa cử bằng chữ nho, hình như người mình không để ý gì đến nữa. Từ 1918 đến nay, trừ bản lược ký về lịch sử nước Tàu, không còn sách nào khác viết hoặc dịch để phổ thông hắc sử trong đám tân học nữa. Phải chờ đến 1933 mới có ông Đào duy Anh biên soạn quyển Trung hoa sử cương để bổ vào chỗ thiếu thốn ấy.

Học thuyết tư tưởng nước Tàu trong sách *Ẩm băng* của Lương khải Siêu (Nam phong Juin 1931).

Văn học sử nước Tàu Cũng như chính sử, văn học sử quan hệ đến văn học ta là nhường nào, thế mà các bậc nho học không chịu đem nó ra mà phổ thông. Đến ngày nay ngoài bản của ông dịch Vương mộng Tăng ta cũng không có một bản nào.

Mỗi khi bọn tân học muốn đàm luận đến văn học tàu chỉ còn căn cứ vào bản dịch của ông.

Ông dịch rất công phu, văn dản dị đọc dễ hiểu, nhiều bài thơ dịch được cả ý lẫn điệu Tuí dụ :

(*Xem tiếp trang 21*)

---

(1) *Ông Phan kế Bính, hiệu là Bưu-văn, sinh năm 1875 tạ thế năm 1921, tại làng Thụy khê, thuộc huyện Hoàn-long tỉnh Hà-đông.*

Ông đỗ cử nhân khoa bính ngọ (1906).

Các sách ông vừa soạn vừa dịch kể rất nhiều, trong số ấy có nhiều quyển bây giờ các trường dùng làm sách giáo khoa :

Nam hải dị nhân, Trần hưng đạo, Vương (1909 - 1912) Việt nam phong tục (1915) Việt hán văn khảo (1918)

Sách dịch : Tam quốc chí, (1907) Đại Nam điển lệ toát yếu sách của cụ Hiệp Đỗ (1915 - 1916) Đại Nam nhất thống chí của cụ Hiệp Cao (1916) Việt nam khai quốc chí của cụ Nguyễn bảng Trung (1917) Đại Nam liệt truyện tiền biên (1918. Đại Nam liệt truyện chính biên (1919)

(Theo Nam phong)

(2) Đông dương tạp chí từ số 167 đến 180 —

(3) Ông Nguyễn hữu Tiến, hiệu Đông Châu người làng Đông Ngạc gọi là Kẻ vũ, huyện Từ liêm phủ Hoài đức tỉnh Hà-đông sinh năm 1874 mất ngày 14 novembre 1941, thọ 67 tuổi.

Ông đỗ hai khoa tú tài. Khoa trước năm Canh Tý đời Thành thái thứ X I (1900)

Ngoài việc dịch thuật nói trên ông có soạn :

sách : Giai nhân di mặc (sự tích và thơ văn của Hồ xuân Hương, Đông kinh ấn quán)

Cổ đừng nguyên âm (Đông kinh ấn quán)

Việt nam phong sử của Nguyễn văn Mại.

Lược khảo về bộ luận mới Bắc kỳ.

Phật giáo với nho giáo (Đông kinh ấn quán).

Đã có bán

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHAN VĂN HÙM

Một quyển sách quý trong « Tủ sách triết học » Tân Việt — Một tác phẩm vĩ đại trong văn-học giới — Một thiên khảo cứu gồm thân thế và học thuyết Vương dương Minh mà ta có thể tự phụ rằng từ xưa đến nay khắp thế giới chưa có quyển nào được tinh tường hơn.

Sách dày ngót 500 trang — khổ rộng — có 3 bức địa đồ và 10 000 chữ Hán — Bìa litho 5 màu. (Vì giấy khan nên chỉ in có 500 quyển) Giá 13$80.

Ở Hanoi sách chỉ bán tại nhà xuất bản

TÂN-VIỆT, 29, LAMBLOT — HANOI

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 18

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỌ
NGHỊ 議 *Bài-văn*		Thanh hóa, Tống-sơn	S	16	25b	
NGHỊ » Châu-văn	tự Lễ-phủ	Bắc ninh, An-phong	N	26	20a	
NGHỊ » Mai-đức		Thừa thiên, Hương trà	S	8	27a	
NGHỊ 誼 *Lê-khắc*	tự Dụng-chi	Hải-dương, An lão	N	38	22b	
NGHỊ 議 *Nguyễn-công*		Không rõ	S	12	12b	Ất mão, giúp Đông cung
NGHỊ » Nguyễn-hữu		Gia định, Bình dương	S	15	23b	Cảnh trấn Gia định, rồi chết
NGHỊ 誼 *Phan-đình*		Hà tịnh, Thạch hà	S	29	7a	
NGHỊ 毅 *Phan-hoằng*		Nghệ an, Đông thành	N	38	5a	
NGHỊ 誼 *Phạm-văn*	hiệu Nghĩa-trai	Nam định, Đại an	N	33	3a	
NGHỊ 議 *Tôn-thất*		Huế	N	11	2a	
NGHĨA 義 *Huỳnh-thị*		Khánh hòa, Quảng phước	N	44	5b	
NGHĨA » Lê-đại		Quảng trị, Hải lăng	S	20	2a	« Liệt truyện » chép Thừa thiên là sai
NGHĨA » Lê-văn		Quảng bình, Lệ thủy	N	40	5b	
NGHĨA » Ngô trực		Nghệ an, Đông thành	N	41	10a	
NGHĨA » Nguyễn-hoằng		Hà tịnh Thạch hà	N	32	15a	
NGHĨA » Nguyễn văn		Biên hòa, Phước chánh	S	16	16b	
NGHIÊM 嚴 *Võ-đức*		Quảng nghĩa, Tư nghĩa	N	43	12a	
NGOAN 玩 *Đỗ-trọng*		Bắc ninh, Siêu loại	N	43	1a	
NGOAN » Lê văn		Thanh hóa, Quí huyện	S	18	8b	
NGOẠN » Nguyễn-đăng		Quảng nghĩa, Mộ đức	N	39	23a	
NGOẠN » Nguyễn-văn		Quảng nam, Lễ dương	S	8	17b	con Nguyễn văn Trương
NGOẠN » Tống phước		Gia định	S	14	7b	Bà con với Tống-phước-Châu
NGỌC 玉 *Tống phước*		Gia định	S	14	7a	
NGUY 巍 *Võ-di*		Thừa thiên, Phú vang	S	6	27a	
NGUYÊN 元 *Nguyễn-thái*		Thừa thiên, Hương trà	S	9	1a	
NGUYỆN 願 *Nguyễn-văn*		Bình định, Đồng xuân	S	14	12b	
NGỮ 語 *Nguyễn-thị*		Thừa thiên, Hương trà	S	29	10a	vợ Đặng đức Siêu
— 32 —						
NH						
NHÃ 雅 *Nguyễn-văn*		Bình định, Tuy viễn	N	35	11a	em Nguyễn văn Phong
NHẠC 岳 *Nguyễn-văn*	vua Thái-đức	Bình định, Phù cát	S	30	1a	trước thuộc Phù-ly (Qui nhơn)
NHÀN 閒 *Nguyễn-công*	của nhà Tây-sơn	Biên hòa	N	25	27a	
NHÀN 閑 *Nguyễn-lương*		Thừa thiên, Phong điền	N	18	14a	
NHÀN » Nguyễn văn		An giang, Vĩnh an	S	13	15b	nay là Sađéc
NHÀN 閒 *Nguyễn-văn*		Không rõ	N	40	19a	
NHÂM 壬 *Lê thị*		Quảng nam, Lễ dương	N	44	16b	
NHÂM » Nguyễn-văn		Biên hòa, Phước chánh	S	15	3b	nay là vùng châu thành và Tân uyên
NHÂN 仁 *Đỗ thanh*		Thừa thiên, Hương trà	S	27	21b	
NHÂN » Ngô bá		Quảng trị, Vĩnh linh	N	16	10a	
NHÂN » Nguyễn		Thanh hóa, Nông cống	N	28	17b	
NHÂN » Nguyễn-văn		An giang, Vĩnh an	S	7	1a	nay là Sađéc
NHÂN » Nguyễn-văn		Không rõ	S	19	6b	Đi thích khách, bị giết tại Sàigòn
NHÂN » Phạm văn		Thừa thiên	S	7	17b	

1) T : Tiền-biên, S : Sơ-tập, N : Nhị-tập.

Văn học Việt nam...

(*Tiếp theo trang 19*)

« *Sườn bể gió hiu hiu*
« *Tiêu điều cảnh sắc thu*
« *Bên đình ai đó tá !*
« *Ngạo ngán nguyệt trên lầu!*
« *Ta đây khách u-uyên,*
« *Mặc sức đi ngạo-du*
« *Thở than lẽ công lại !*
« *Hẳn học đủ tư cừu !*
Tránh nạn ra Hải-thượng
« *Chơi qua đất biên-châu*
« *Cỏ hương mấy nghìn dặm*
« *Sông Liêu sương mịt mù*
« *Tức tối giặc hồ đến*
« *Vì vua giết kẻ thù*
« *Ai ngờ bảy mươi trận*
« *Đầu bạc chửa phong trần*

dịch thơ Trần tử Ngang

Mạnh tử quốc văn giải thích và *Luận ngữ quốc văn giải thích* (cùng dịch với ô. Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục.)

Ông *Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục* (1) Cũng như ông Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, ông là một biên tập viên rất trung thành của Nam phong. Ông sáng tác nhiều, « viết những bài nghị luận về văn học, triết lý, viết những mục du ký bài văn. (*Còn nữa*)

LÊ THANH

Về quê quán và ngày sinh của ông :

(1) « *Tôi sinh ngày hai mươi hai, tháng tám, năm Mậu dần niên hiệu Tự đức thứ ba mươi mốt, tức là năm 1878, nguyên quán ở làng Oai-nỗ-thượng, tổng Xuân canh, huyện Đông-Anh, trước thuộc Bắc Ninh nay thuộc Phúc-Yên.*

Khi tôi còn nhỏ, trong vùng, giặc giã nổi lên quấy nhiễu, đời sống ít khi được yên-ổn, ông thân-sinh ra tôi chờ rời sang Hà đông, lấy tích ở mầu quán, làng Ỷ la, tổng La-vội, huyện Từ-liêm, phủ Hoài Đức.

(Cuộc phỏng vấn các nhà văn)

Vua QUANG TRUNG

(*Tiếp theo trang 3*)

mình mà nhận phong. Sử Tàu bụng cũng biết thừa là giả-dối. (*Đại Nam chính biên liệt truyệt* sơ tập, quyển 30, tờ 44 a).

Một triều đại còn đáng để cho ngước lớn phải nể nang, mà còn trì vì mãi đến năm 1802, nghĩa là còn 9 năm nữa mới tổ, đủ biết lực lượng còn hùng-kiện là thế nào. Nếu một khi vua-chúa bị thí nghịch bởi bọn sĩ - phiệt quan - liêu như giả-thuyết của ông Nguyễn Bách-Khoa đã nêu đó thì triều Cảnh-thịnh làm thế nào chẳng có những cuộc bắt-bớ đàn áp bọn phạm-pháp kia ?

Nếu bảo việc mưu sát này là do bọn sĩ phiệt quan liêu như Bùi Đắc Tuyên chẳng hạn gây nên, nên họ, khi đã nắm được quyền chính, vội vội dập cho trăm cái « án mạng » ấy đi, thì xin thưa : thí nghịch một ông vua đối với thời xưa đã là một việc trọng-đại thay, huống chi ông vua ấy lại là một vị Thái-tổ (vua Quang-Trung miếu hiệu là Thái-tổ Võ hoàng-đế) một triều-đại bọn họ (nếu quả họ có làm việc thí nghịch thật) bá lại không biết làm một việc khôn khéo để « che mắt thế gian » : hoặc bắt bớ hoặc chính pháp một vài người nào đó rồi thanh minh lên rằng đã trị tội những phạm nhân rồi ? Vả, nếu Quang Trung quả có sự « bất đắc kỳ tử » ấy thì đến khi viết *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* kia, các sử thần nhà Nguyễn còn dè dặt gì, ngần ngại gì mà không nói toạc ra rằng Nguyễn Huệ bị ám sát hoặc bị đầu độc ?

Xét những chứng-cớ và lý-do trên, đủ thấy chỗ ông Nguyễn Bách-Khoa nói vua Quang Trung bị thí ấy hoàn-toàn trái với lịch sử, không có một chút giá-trị gì trước sử-học cả.

Một khi sự-thực đã rành-rành, thì giả-thuyết ấy của tác giả *Nguyễn Công Trứ* không đợi ai đánh cũng tự rầm rầm đổ rồi, cho nên tới nay không cần phải bác « ba lẽ » của Nguyễn quân đã vin ra để gán cho « bọn sĩ phiệt quan-liêu thời ấy đã mưu sát vua Quang Trung » nữa.

HOA-BẰNG

Giá báo

1 năm	18$00
6 tháng	9, 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 40

Un livre indispensable aux candidats :

CENT RÉDACTIONS AU CERTIFICAT

Par MM. Trần-Huy Cơ et Nguyễn-Huy Hoàng Instituteurs

(adoptée par la Commission des manuels Scolaires de l'Indochine)

Nouvelle édition Prix 1$50 Port 0$12 Recommandé : 0$32

Prière d'envoyer les timbres postes à la librairie

Đông Tây 195, rue du coton Hanoi

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

CHÂY CUNG CHƯƠNG VÔ

Số 26

Chúng tôi chỉ làm một việc rất công bằng, thuận lẽ giời, là xử tử một kẻ đã giết người, giết bạn, và lừa bọn thiếu niên! Kẻ ấy đã thông-mưu với bên địch để lừa lại anh em. Kẻ ấy đem sắc đẹp con gái ra làm mồi ghi dử một chàng thiếu-niên phạm vào tội ác, rồi đến nỗi phải bỏ mạng vào một vụ ghen tuông; và ghi dử một chàng thiếu niên nữa. Các tội trạng đã rành rành ra đấy, chúng tôi hỏi, kẻ kia không đáp lại được. và nghĩ thanh danh cùng tình nghĩa, chúng tôi có để kẻ ấy tự ý trọn lấy cách chết: đủ cả lụa, kiếm thuốc. Nhưng kẻ ấy không thèo, đã tự cấu rốn rút ruột ra... tỏ ra mình khinh thường lệnh án của chúng tôi. Tuy vậy chúng tôi cũng nghiêng mình kính phục một kẻ đã biết chịu lỗ. mình và tự sử rất anh hùng!

Kim-Vân vẫn nhìn chằng-chằng vào Đoàn-Văn. Trên khuôn mặt lạnh như sắt, mà đôi mắt sáng đỏ ngầu đầy những tia máu giận dữ, càng làm cho có vẻ hung tợn hơn. Nàng giậm chân, nhảy tót ra bảo cầm lấy thanh kiếm sông vào Đoàn-Văn vừa quát:

— Dù sao! Ta cũng phải báo thù cho cha ta!

Đoàn-Văn gạt đỡ cây kiếm và nói:

— Chúng tôi kể ra đây nhiều nhời như thế là để cho chị nhận rõ chúng tôi lúc nào cũng ngay thẳng. Đi đến bước đường cùng này, không phải tự chúng tôi muốn vậy. Thế bất đắc bất nhiên! Mà không những chỉ nhời nói không thôi, chúng tôi còn có cả văn-tự làm bằng. Xin để chị xem.

Đoàn-Văn ngừng lại cầm lấy tờ thư đưa cho Kim-Vân, dù giận giữ, nàng cũng cầm lấy đọc qua. Thấy nàng bỏ thư xuống mà chưa nói gì, Đoàn-Văn nhân dịp nói ngay.

— Thực ra chị và chúng tôi không có lý gì đáng giận nhau cả. Những việc sẩy ra đây đều dấu điểm chị, chị rất trong sạch cao quý chị không tài nào biết được. Gần chị, tôi vẫn được sung-sướng cảm thấy vẻ dịu dàng chiều-mến của chị và vẫn thầm ghi nhớ tấm lòng tử tế và thành thực của chị đối với tôi. Đáng lẽ cái tình nghĩa đôi ta, rất là lâu dài và đẹp đẽ mãi mãi mới phải,. thế mà nỗi đời oái oăm lại đưa chúng ta vào chỗ khó sử này, bên nào phải giữ bổn phận bên ấy, trở nên cừu thù nhau, tất không thể nào còn có ngày hòa hợp nữa. Vậy tôi xin có một lời cuối cùng này, là sẽ xin tuân lời chị truyền bảo bây giờ và cảm tạ lòng tử tế của chị đối với tôi từ trước.

Kim-Vân nghe chàng nói nét mặt dồi ra dịu dần và sau cùng chống kiếm xuống đất, thở dài, cúi đầu, chảy nước mắt, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

— Kể ra anh với tôi không có gì là thù hằn nhau. Việc cha tôi làm quả tôi không được biết. Mà việc thù của cha anh, anh đã nhận rõ, tất nhiên anh phải báo thù cho bằng được. Giết kẻ thù, báo hiếu cha, việc anh làm chính đáng lắm. Bịnh thường ra, tôi phải kính phục kia đấy.. Nhưng việc làm của anh tổn hại đến tôi, anh giết cha tôi, vậy tôi phải báo thù,.. Tình của tôi đối với anh có nặng, nhưng đạo hiếu của con đối với cha còn nặng gấp nghìn, tôi phải vất bỏ cái tình ấy đi mà nhớ đến hiếu, anh đã tử tế và thành-thực nói với tôi, tôi cũng xin thành-thực và minh bạch trình bầy lại với anh. Tôi xin anh một điều tôi phải giết anh để báo thù cho cha tôi. Nhưng tôi không muốn mưu mô lừa dối gì anh cả. Trước vong-linh đau khổ của tôi kia, tôi xin độc lực đấu kiếm với anh, một mình anh thôi. Tôi bạ được anh thì cha tôi được ngậm cười, mà chẳng may tôi bị thì cũng lại là may...

Nàng cười gượng và tiếp:

— Cấm những anh này không được can dự, chỉ đứng ngoài mà chứng kiến thôi!

Nàng nói rứt, Đoàn-Văn vẫn đứng im không nói gì, ra chiều suy-nghĩ. Nàng phải hỏi gắt:

— Thế nào anh?

Đoàn-Văn cau mày nghiêm-nghị nói :

— Việc cũ như vậy kể cũng là tạm xong. Bây giờ ta lại gây ra chém giết nhau chả hóa ra uổng lắm ả : Đời còn lắm việc, ta còn phải sống mà làm việc, mà chuộc những sự nhầm lẫn của cha chúng ta...

Không để cho Đoàn công-tử nói hết, Kim-Vân quát ngay.

— À ý anh không muốn thế phải ?

Rồi nàng múa kiếm nhảy sổ vào gạt ngay kiếm của Đoàn-Văn và chực dùng miếng « *dụ hổ ly sơn* » đánh thốc ngang hông bên địch. Nhưng Đoàn-Văn rất nhanh nhẹn đỡ được ngọn kiếm kỳ diệu ấy, thì lại những nước kiếm oái-oăm khác đánh liền tiếp bồ thượng, đảo hạ, kích tả, đột hữu, làm cho Đoàn-Văn phải luôn-luôn gạt đỡ chưa khỏi được thế công. Hai cây thần kiếm cứ vù-vù, như gió, Hòa Đao tưởng Đoàn-Văn thế nùng, tuốt kiếm chực sông vào trợ chiến, Đoàn-Văn biết ý liền quát :

— Ra ngay. Ta có chết cũng là số giời ! không oán thán ! Không được bảo thù lại !

Mọi người đều phải giạt ra. Hai cây kiếm vẫn múa mang vù-vù, hai người cứ cùn vụt uyển-chuyển tiến lui mờ-mờ, người ngoài chỉ còn trông thấy bóng mờ và lưỡi kiếm lấp loáng ánh tia lửa chiếu lòe như chớp, ai nấy đều phải hồi-hộp thầm phục tài nghệ của hai tay kiếm bực thầy, gang nhau, giữ nhau, tranh nhau, mà mãi vẫn chưa phân thắng phụ, mọi người đều niềm cảm phục và mong mỏi cho cuộc đấu chọi này sẽ hòa.... để khỏi thiệt mất một tay thần kiếm ! Nhưng không ! Do ý định thầm kín của người trong cuộc, cuộc đấu thế nào cũng phải có người bại. Nên chỉ trong thoáng mệt cái, giữa lúc mọi người đang vui mừng và mong-mỏi không ngờ đến thì một tiếng hét rụng rời, khiến mọi người đồ rồn cả mắt lại : Cuộc đấu đã ngừng ; Kim Vân công-chúa ngã khụy xuống, tay vẫn còn cầm kiếm. Cây kiếm của Đoàn-Văn đã cắm phập lên trên cái ngực đầy đặn nở nang của nàng. Mọi người đều đồ xô cả lại toan đỡ nàng nằm ngay ngắn lại. Đoàn-Văn vẫy tay gạt đi và đứng tần-ngần nhìn nàng, rồi quỳ xuống nhẹ-nhàng rút lưỡi kiếm, máu theo đấy vọt lên cao rồi tỏa dầy xuống ngực. Chàng để nàng nằm ngay ngắn lại. Đôi mắt vẫn mở đăm-đăm đầy hằn học trách móc.

Còn nữa)

CHU-THIÊN

Thư-xã Alexandre de Rhodes
MỚI XUẤT BẢN
LỤC VÂN TIÊN
Quyển nhất
bản dịch của **Dương-quảng Hàm**, Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu, kèm tranh ảnh của **Mạnh-Quỳnh**
sách dày 250 trang khổ 17×23
bản thường 4$00 cước 0$60
bản giấy láng 10$00 cước 1$20
Tổng phát-hành
MAI-LĨNH
21 rue des Pipes
Hanoi

QUỐC HỌC THƯ XÃ
Mới phát hành
VIỆT HOA THỐNG SỬ
Giá 5$00
Sắp phát hành
Lược-luận về **PHỤ-NỮ VIỆT-NAM**
Luận-lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT**
LỊCH-SỬ BÁO-CHÍ hoàn cầu
NGHỆ-THUẬT và **DANH-GIAO**
mua sách, đặt sách, xin viết cho
M. LÊ VĂN HOÈ
16 bis Tientsin Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

— HÀN-THUYÊN PHÁT HÀNH —

5-5-4 SẼ CÓ BÁN :

XÃ HỘI VIỆT NAM

LƯƠNG ĐỨC THIỆP biên khảo

Nguồn gốc xã hội Việt-nam — Lịch sử tiến hóa của dân Việt-nam — Giải thích các kiến trúc kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội Việt-nam — Con đường phát triển hiện thời của xã hội Việt nam.

Dày hơn 400 trang giá 8$50

SẮP XUẤT BẢN

PHÊ BÌNH

= VĂN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU =

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Hàn thuyên

71 — Tiên-tsin — HANOI

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của biết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin :

Nhà in MAI-LĨNH

do Quảng-Vạn-Thành *phát hành sắp in xong*

ĐƯỜI ĐOÀN THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta có 17 mục : 1· Tư-đức và Công-đức — 2· Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4 Xã hội muốn vững vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5 Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan-niệm về xã hội của người Việt-Nam không được chính sác ? — 7 Quan-niệm về xã-hội không được chính-sác gây ra những tê-hại gì ? 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như hế nào ? — 9· Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12 Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13· Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — *17·* Dàng cơ-quan nào dựng nên công đức ở xã-hội ta. *Giá bán lẻ 2$00*

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20% cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng-vạn-Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kíp viết thư thương-lượng, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do : **Quảng-Vạn-Thành**

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi